

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2006

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN



Sacombank
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

NỘI DUNG

Thông điệp từ Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	6
SACOMBANK – Ngân hàng Thương mại Cổ phần hàng đầu Việt Nam	8
Mục tiêu phát triển kinh doanh 2007	10
Sơ đồ tổ chức	12
Hội Đồng Quản Trị	14
Ban Kiểm Soát	15
Ban Tổng Giám Đốc	16
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	18
Tổng kết hoạt động ngân hàng trong năm	19
Thông tin về Ngân hàng	28
Báo cáo tài chính	29
Những sự kiện tiêu biểu trong năm	58
Thông tin dành cho cổ đông	64
Danh sách các công ty trực thuộc, công ty liên doanh	67
Mạng lưới hoạt động	68



“Sacombank luôn xem Khách hàng là hạt nhân; xem đội ngũ Nhân viên là tài sản quý giá của Ngân hàng; xem việc tối đa hóa giá trị cho Cổ đông và các Nhà đầu tư là mục tiêu hàng đầu...”

THÔNG điệp TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KÍNH THƯA QUÝ VỊ,

Cùng với sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế và những thắng lợi vang dội của đất nước ta trên trường quốc tế, trong đà tăng trưởng chung khá ngoạn mục của hệ thống các NHTM Việt Nam, năm 2006 Sacombank đã gặt hái được nhiều thành quả đáng tự hào về hoạt động kinh doanh, cũng như các hoạt động nhằm thực hiện định hướng phát triển trong tương lai. Với phương châm hành động “tăng tốc, nâng chất để phát triển nhanh và bền vững”, năm 2006 Sacombank đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu nhiệm vụ đề ra với nhịp độ tăng trưởng bình quân đạt 50 - 70% so với năm trước, đồng thời cũng là năm đầy ắp các sự kiện có ý nghĩa. Trong đó:

- i. Sacombank là Ngân hàng thương mại duy nhất đạt 2/8 kỷ lục kể từ ngày thị trường chứng khoán Việt nam đi vào hoạt động gồm:
 1. Ngân hàng thương mại đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
 2. Ngân hàng TMCP có Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán đầu tiên niêm yết chứng chỉ quỹ trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- ii. Sacombank là Ngân hàng TMCP đầu tiên thành lập công ty trực thuộc hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính (SacombankLeasing);
- iii. Sacombank được công nhận là Ngân hàng TMCP có dịch vụ thanh toán quốc tế tốt nhất và cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ tốt nhất ;
- iv. Sacombank cũng là Ngân hàng TMCP có vốn điều lệ cao nhất và có mạng lưới hoạt động rộng nhất Việt Nam.

Kết thúc kế hoạch năm 2006, đồng thời cũng kết thúc giai đoạn 15 năm hoạt động kể từ ngày thành lập, sau khi tiến hành tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm 15 năm hình thành và phát triển, Sacombank đã xác định năm 2007 là năm đầu của giai đoạn 15 năm tiếp theo, hướng về mục tiêu quyết tâm xây dựng Sacombank trở thành một Ngân hàng bán lẻ đa năng hiện đại, đạt mức trung bình tiên tiến trong khu vực (mục tiêu trước mắt); đồng thời tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác – liên minh – liên kết và phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động của các Công ty liên doanh & trực thuộc để trong một tương lai gần Sacombank có đủ điều kiện cung ứng cho thị trường các giải pháp tài chính trọn gói nhằm giảm bớt áp lực và nâng cao sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập (mục tiêu kỳ vọng).

Hướng về những mục tiêu trước mắt và kỳ vọng lâu dài vừa nêu, với sự hỗ trợ kỹ thuật của các cổ đông chiến lược nước ngoài, cùng sự động viên cổ vũ của gần 1 triệu khách hàng và hơn 1,3 vạn cổ đông trên khắp mọi miền đất nước, Sacombank đã và đang điều chỉnh lại lộ trình phát triển trong những năm cuối của thập kỷ này nhằm đẩy nhanh nhịp độ và nâng cao chất lượng phát triển, ngõ hầu giữ vững vị thế đang có và đảm bảo theo kịp đà phát triển chung của hệ thống các NHTM Việt nam. Theo đó, trong 4 năm còn lại của giai đoạn 2001 – 2010, Sacombank sẽ tiếp tục:



- i. Tăng nhanh năng lực tài chính;
- ii. Hoàn tất kế hoạch mở rộng mạng lưới;
- iii. Hoàn thiện hành lang pháp lý hướng về các chuẩn mực và thông lệ quốc tế tốt nhất;
- iv. Tăng cường công cụ hỗ trợ và kiểm tra giám sát, quản lý rủi ro, trong đó đặc biệt chú trọng đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa công nghệ ngân hàng;
- v. Tập trung đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- vi. Đẩy mạnh hoạt động của các công ty liên doanh & trực thuộc, đồng thời phát huy cao nhất tác dụng của các mối quan hệ liên minh – liên kết – hợp tác;
- vii. Tiếp tục tái cấu trúc và nâng cao chất lượng quản trị Ngân hàng để qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh, đủ khả năng nắm bắt và khai thác có hiệu quả các cơ hội, đồng thời cũng đủ sức để vượt qua mọi thách thức trong quá trình hội nhập với nền kinh tế toàn cầu.

Nhân dịp này, cho phép tôi thay mặt Sacombank xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các Tỉnh/Thành phố, các tổ chức kinh tế và định chế tài chính ở trong và ngoài nước; các nhà đầu tư, quý vị khách hàng trên mọi miền đất nước và quý vị cổ đông,... về mối quan tâm, lòng ưu ái và sự tin nhiệm mà quý vị đã dành cho Sacombank trong 15 năm qua, đặc biệt là trong năm 2006.

Sacombank luôn giữ vững quan điểm: xem Khách hàng là hạt nhân; xem đội ngũ Nhân viên là tài sản quý giá của Ngân hàng; xem việc tối đa hóa giá trị cho Cổ đông và các Nhà đầu tư là mục tiêu hàng đầu; đồng thời Sacombank cũng sẽ phát huy cao nhất tính năng động sáng tạo và không ngừng đổi mới để đạt đến sự hoàn thiện và phát triển bền vững. Chúng tôi xem đây là những giá trị cốt lõi trong định hướng phát triển lâu dài của Sacombank.



Đặng Văn Thành
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín



SACOMBANK – NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

2.089 TỶ ĐỒNG

Là Ngân hàng có vốn điều lệ dẫn đầu khối Ngân hàng TMCP Việt Nam.

13.000 CỔ ĐÔNG

Là Ngân hàng đại chúng đầu tiên có số lượng cổ đông lớn nhất.

159 ĐIỂM GIAO DỊCH / 38 TỈNH THÀNH

Dẫn đầu khối Ngân hàng TMCP Việt Nam về mạng lưới hoạt động.

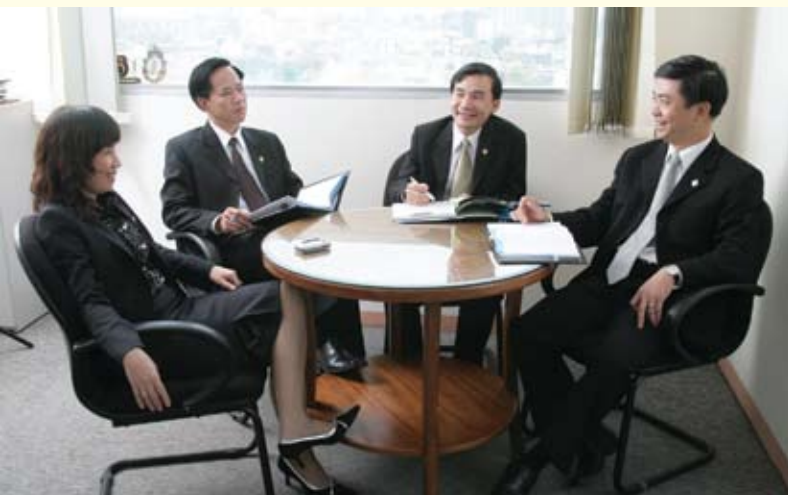
8.900 ĐẠI LÝ

Tại 222 Ngân hàng thuộc 86 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Năm 2006 đánh dấu một năm hoạt động mạnh mẽ và đầy ấn tượng của Sacombank khi trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam niêm yết cổ phiếu trên Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM và tiếp tục dẫn đầu khối ngân hàng TMCP Việt Nam về vốn điều lệ (2.089 tỷ đồng), về mạng lưới hoạt động, về số lượng cổ đông đại chúng (trên 13.000 cổ đông) cùng hệ thống các công ty liên doanh và trực thuộc hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như quản lý quỹ đầu tư, kiều hối, chứng khoán, cho thuê tài chính, quản lý nợ và khai thác tài sản,... Sacombank cũng là Ngân hàng TMCP có tốc độ tăng trưởng hàng đầu tại Việt Nam hiện nay. Cụ thể, tổng tài sản của Sacombank trong năm 2006 tăng 70,6% so với năm 2005, huy động vốn tăng 75,2%, cho vay tăng 72,6%, lợi nhuận trước thuế đạt trên 543 tỷ đồng, tăng 77,5% và vượt xa con số 407 tỷ đồng theo kế hoạch của đại hội đồng cổ đông đề ra, giá trị vốn hóa của Sacombank tại thời điểm cuối năm xấp xỉ 1 tỷ đô la Mỹ.

Bên cạnh việc được đánh giá là ngân hàng rất thành công trong lĩnh vực tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, Sacombank cũng luôn chú trọng đến các dòng sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách hàng là cá nhân. Với kỳ vọng trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng hàng đầu tại Việt Nam và có tiếng trong khu vực, Sacombank không ngừng nâng cao chất lượng trong mọi hoạt động nhằm cung cấp các dịch vụ tài chính trọn gói cho mọi đối tượng khách hàng, đồng thời tạo ra nhiều giá trị lợi ích cho cán bộ nhân viên, cổ đông, nhà đầu tư và xã hội.

Sự kiện Sacombank trở thành ngân hàng đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM vào ngày 12/7/2006 là sự kiện rất quan trọng của ngành tài chính ngân hàng Việt Nam và là bước ngoặt cho sự phát triển của Sacombank trong thời kỳ hội nhập. Bên cạnh đó, trong năm 2006 Sacombank đã khai trương hoạt động 03 công ty trực thuộc là công ty kiều hối (SacomRex), công ty chứng khoán (Sacombank Securities), công ty cho thuê tài chính (SacombankLeasing) – là công ty cho thuê tài chính đầu tiên của khối ngân hàng TMCP tại Việt Nam - đồng thời đã mở thêm 46 điểm giao dịch trên toàn quốc, bao gồm 14 chi nhánh và 32 phòng giao dịch, nâng tổng số điểm hoạt động của Sacombank lên con số 159 tại 38 tỉnh thành trong cả nước và một hệ thống ngân hàng đại lý quốc tế rộng khắp với 8.900 đại lý tại 222 ngân hàng của 85 quốc gia và vùng lãnh thổ. Về quan hệ đối tác chiến lược,



Sacombank đã thắt chặt quan hệ với các định chế tài chính nước ngoài, tiếp tục nhận được hỗ trợ kỹ thuật của IFC, ANZ và tổ chức CIDA, liên kết với tổ chức thế quốc tế và tham gia các hội nghị, diễn đàn quốc tế tại Mỹ và Singapore. Đó là những bước tiến quan trọng, khẳng định sự phát triển ngày một khởi sắc và bền vững của Sacombank ở một tầm cao mới. Việc mở rộng mạng lưới nhằm chiếm lĩnh thị phần, cùng với việc thành lập các công ty con nhằm chuyên nghiệp hóa các hoạt động ngân hàng là những tiền đề cần thiết để Sacombank có thể phát triển vững chắc trong tương lai.

Những nhân tố để Sacombank có được sự thành công như trên có thể kể đến: **Trước hết**, Sacombank đã vững tin vào chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước, chủ trương đổi mới của ngành và năng lực cần cù sáng tạo của đội ngũ cán bộ nhân viên; **Thứ hai**, Sacombank đã sớm tự xác lập định hướng phát triển lâu dài, xây dựng một lộ trình với từng mục tiêu cụ thể, hình thành hành lang pháp lý rõ ràng, luôn xem củng cố và phát triển là hai nhiệm vụ trung tâm hàng đầu; **Thứ ba**, Sacombank đã tập trung hết sức cho việc tăng cường nội lực, mở rộng mạng lưới hoạt động, thiết lập chặt chẽ các mối quan hệ với các đối tác chiến lược trong lẫn ngoài nước để thu hút ngày càng nhiều các nguồn lực bên trong và giảm bớt áp lực cạnh tranh bên ngoài; **Và cuối cùng**, Sacombank đã biết sử dụng triệt để các chính sách lợi ích vật chất – tinh thần và văn hóa, để tạo dựng và phát triển được một đội ngũ cán bộ điều hành kiên trung, vững vàng trước mọi tình huống, một lực lượng nhân viên năng động trẻ trung và đặc biệt, Sacombank đã hình thành và phát triển được một hệ khách hàng đặc trưng, gắn bó thủy chung lâu dài. Tất cả các nhân tố này đã tạo tạo cho Sacombank một nền tảng phát triển bền vững.

Sacombank hôm nay đã trở thành một hạt nhân không thể thiếu của thị trường tài chính Việt Nam và là một trong những thương hiệu ngân hàng được sự tín nhiệm và yêu thích của mọi tầng lớp dân cư Việt Nam cũng như các đối tác nước ngoài.

Điều đó được minh chứng qua việc Sacombank đã gặt hái được nhiều giải thưởng có giá trị do Nhà nước cũng như các tổ chức tài chính quốc tế uy tín trao tặng: *Bằng khen do Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam trao tặng cho toàn thể cán bộ, nhân viên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ngân hàng; Giải thưởng biểu tượng “Ngọn Hải Đăng”*



của ngành ngân hàng do người tiêu dùng trực tiếp bình chọn; giải thưởng “*Thương hiệu Việt nổi tiếng*”, “*Doanh nghiệp Việt Nam uy tín chất lượng*” do các tổ chức trong nước bình chọn; giải thưởng “*Ngân hàng tốt nhất tại Việt Nam trong cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ*” do SMEDF bình chọn; giải thưởng “*Ngân hàng thực hiện xuất sắc thanh toán quốc tế*” do Citigroup trao tặng; giải thưởng “*Ngân hàng có dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2006*” do các định chế khu vực Châu Á - Thái Bình Dương bình chọn; giải thưởng “*Chất lượng cao trong định dạng lệnh thanh toán và tỷ lệ thanh toán trực tiếp*” do ngân hàng Standard Chartered trao tặng,...

Có thể nói, hoài bão đưa Sacombank trở thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần hàng đầu Việt Nam và là một thương hiệu được nhận biết trên thị trường tài chính khu vực đã được hiện thực hóa bằng hành động theo đuổi những chiến lược trọng tâm: nâng cao năng lực tài chính, phát triển công nghệ hiện đại, mở rộng mạng lưới hoạt động, cải tiến và sáng tạo sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, và đặc biệt hoàn thiện hệ thống quản trị điều hành,... để qua đó có thể đưa các tiện ích ngân hàng tốt nhất vào cuộc sống, cùng cộng đồng Việt Nam hướng đến tương lai thịnh vượng và phát triển.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH DOANH 2007

▲ **70%** TĂNG TRƯỞNG
TỔNG TÀI SẢN

Tổng tài sản

Tăng nhanh quy mô vốn để phát triển hoạt động. Dự kiến năm 2007, tổng tài sản của Ngân hàng đạt trên 40.000 tỷ đồng, tăng hơn 70 % so với năm trước.

▲ **113%** TĂNG TRƯỞNG
VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ

Tiếp tục tăng cường năng lực tài chính qua việc tăng vốn điều lệ bằng việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu mới. Dự kiến vốn điều lệ đạt mức 4.450 tỷ đồng vào cuối năm, tăng xấp xỉ 113% so với năm 2006.

▲ **65%** TĂNG TRƯỞNG
NGUỒN VỐN
HUY ĐỘNG

Nguồn vốn huy động từ khách hàng

Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động bằng các các giải pháp chủ yếu: (i) Xây dựng chính sách thu hút tiền gửi thanh toán, (ii) Cải tiến, hoàn thiện các sản phẩm tiền gửi hiện có, song song (iii) phát triển các sản phẩm mới dựa trên việc ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại. Dự kiến vốn huy động tăng 65% so năm 2006. Trong đó, nguồn vốn có lãi suất thấp phần đầu đạt từ 20% - 25%.

▲ **61%** TĂNG TRƯỞNG
DƯ NỢ CHO VAY

Cho vay khách hàng

Đẩy mạnh mở rộng thị phần với sự tăng trưởng tín dụng một các hợp lý, thận trọng nhằm giảm thiểu rủi ro. Với các biện pháp:

- i. Xây dựng chính sách khách hàng vay vốn theo định hướng ngân hàng bán lẻ;
- ii. Hoàn thiện chính sách và quy trình tín dụng, xây dựng danh mục cho vay;
- iii. Cải tiến, phát triển sản phẩm cho vay phù hợp với từng địa bàn, tầng lớp dân cư;
- iv. Chuẩn hóa chính sách kiểm soát rủi ro;
- v. Nâng cao nghiệp vụ đội ngũ nhân viên tín dụng và thẩm định.

Dự kiến dư nợ tín dụng tăng khoảng 61% so với năm trước. Tỷ lệ nợ quá hạn luôn được khống chế ở mức dưới 2%.

Đa dạng

HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH

Hoạt động dịch vụ

Chú trọng giảm dần tỷ lệ cho vay trên tổng nguồn vốn huy động thông qua đầu tư vào các lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó, chú trọng đa dạng hóa hoạt động dịch vụ, nhất là hoạt động kinh doanh tiền tệ, chuyển tiền, thẻ và các dịch vụ tài chính ngân hàng điện tử hiện đại với phương thức bán hàng tiên tiến và đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp.

▲ 120%

LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ

Lợi nhuận

Tiếp tục duy trì và gia tăng tỷ lệ thu nhập phi tín dụng trên tổng thu nhập của Ngân hàng, bao gồm: thu dịch vụ, thu phi tín dụng và thu khác thông qua chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao. Dự kiến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế không dưới 120% so với năm 2006. Phần đầu mức thu nhập từ phi tín dụng chiếm trên 30% trong tổng thu nhập ngân hàng.

T24

HIỆN ĐẠI HÓA
BẢNG PHẦN MỀM
LỖI T24

Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng

Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, hoàn tất việc triển khai phần mềm lõi T24 trên toàn hệ thống mạng lưới, giúp tăng cường khả năng quản lý, điều hành cũng như tạo điều kiện cho việc phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại.

▲ 220

ĐIỂM
GIAO
DỊCH

Mở rộng mạng lưới

Tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới, chủ động chiếm lĩnh và mở rộng thị trường, tăng thị phần. Dự kiến đến cuối năm 2007, mạng lưới của Sacombank trải dài khắp mọi miền đất nước khoảng 220 điểm, phủ sóng đến 44/64 tỉnh, thành trên cả nước.

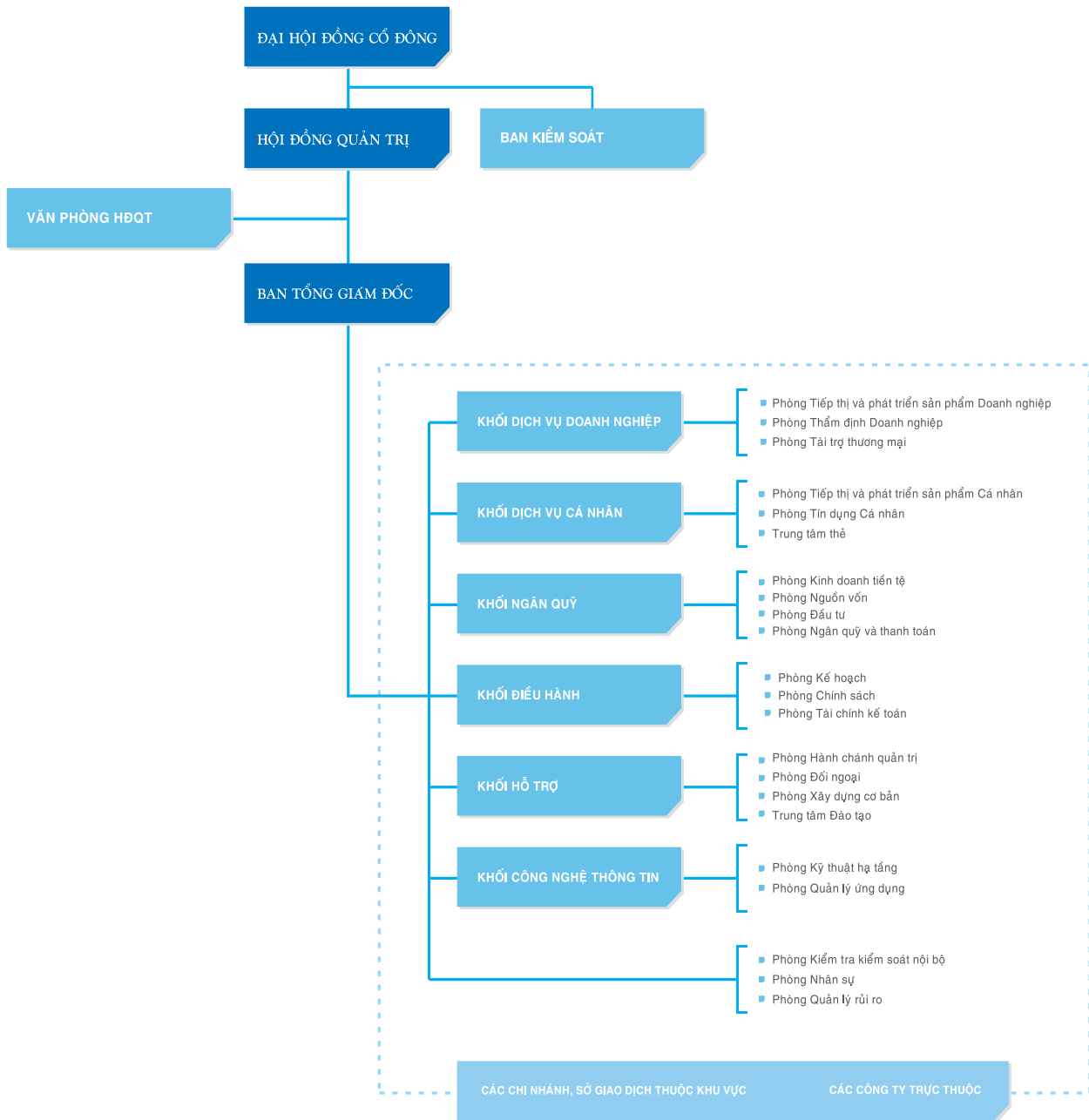
▲ 4.700

CÁN BỘ
NHÂN VIÊN

Phát triển nguồn nhân lực

Nâng cấp chất lượng nguồn nhân lực; Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên năng động, chuyên nghiệp, gắn bó với Ngân hàng thông qua chính sách tuyển dụng tiên tiến, đào tạo và tái đào tạo, cùng chính sách đãi ngộ thích hợp, mang tính cạnh tranh cao. Dự kiến số lượng cán bộ nhân viên khoảng 4.700 người vào cuối năm 2007.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





“Sự kiện Sacombank trở thành ngân hàng đầu tiên niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM vào ngày 12/7/2006 là sự kiện rất quan trọng của ngành tài chính ngân hàng Việt Nam...”

Bà Phan Bích Vân – Tổng Giám Đốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Đặng Văn Thành
Chủ tịch



Bà Huỳnh Quế Hà
Phó Chủ tịch thứ nhất



Ông Nguyễn Châu
Phó Chủ tịch



Ông John Law
Ủy viên



Ông Trần Văn Ngọc
Ủy viên



Bà Nguyễn Thị Mai Thanh
Ủy viên



Ông Đặng Hồng Anh
Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Tấn Thành
Trưởng Ban Kiểm Soát



Ông Lê Văn Tông
Thành viên



Ông Phạm Duy Cường
Thành viên



Ông Doãn Bá Tùng
Thành viên



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Hoàng Khánh Sinh
Phó Tổng Giám Đốc thứ nhất



Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Hồ Xuân Nghiễm
Phó Tổng Giám Đốc



Bà Phan Bích Vân
Tổng Giám Đốc



Ông Lưu Huỳnh
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Tào Thành Danh
Phó Tổng Giám Đốc



“ Sacombank dẫn đầu khối ngân hàng TMCP Việt Nam về vốn điều lệ, mạng lưới hoạt động, số lượng cổ đông đại chúng cùng hệ thống các công ty liên doanh và trực thuộc hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau...”

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	2006	2005	2004	2003	2002	2001
Tổng tài sản (tỷ đồng)	24.764	14.456	10.395	7.304	4.296	3.134
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	2.089	1.250	740	505	271,7	190
Vốn chủ sở hữu (VĐL + các quỹ dự trữ) (tỷ đồng)	2.429,8	1.710,8	859,2	590,1	321,5	216,6
Mạng lưới hoạt động (điểm giao dịch)	159	103	90	75	55	35
Tổng số cán bộ nhân viên	3.808	2.654	1.865	1.488	1.063	748

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

CẢ NĂM	2006	2005	2004	2003	2002	2001
Tổng thu nhập	1.995,7	1.208,6	835,9	617,9	347,1	254,0
Tổng chi phí	1.452,5	902,5	637,9	492,8	267,8	214,5
Lãi trước thuế	543,3	306,1	198,0	125,1	79,2	39,5
Lãi ròng	407,9	234,4	151,2	90,2	53,9	26,9

(Đơn vị tính: %)

HỆ SỐ TÀI CHÍNH	2006	2005	2004	2003	2002	2001
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	11,82	15,40	10,49	10,06	8,37	8,26
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn	15,54	19,10	5,68	9,40	21,42	18,51
Huy động vốn / Tổng tài sản	86,82	84,95	88,51	88,09	89,75	90,95
Cho vay / Huy động vốn	67,62	68,61	65,00	73,49	85,59	81,62
Cho vay / Tổng tài sản	58,71	58,28	57,59	64,74	76,79	74,23
Tỷ lệ nợ quá hạn / Tổng dư nợ	0,95	0,88	1,07	0,56	0,57	0,88
Thu nhập phi tín dụng / Tổng thu nhập	32,69	30,21	31,40	26,10	15,40	18,40
Chi điều hành / Tổng chi phí	26,79	27,86	28,64	27,56	30,03	24,99
Lãi ròng / Tổng TSC bình quân	2,08	1,85	1,66	1,55	1,45	1,01
Lãi ròng / (VĐL + Quỹ DTBSVĐL) bình quân	20,56	20,58	23,71	22,59	22,76	18,44
Hệ số vốn chủ sở hữu (Tài sản / Vốn chủ sở hữu)	10,19	8,45	12,10	12,38	13,36	14,47

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG TRONG NĂM

Bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2006

Cùng với những sự kiện trọng đại của đất nước, tổ chức thành công hội nghị APEC, chính thức gia nhập WTO và Quốc hội Mỹ thông qua quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn với Việt Nam (PNTR), trong năm 2006 nước ta tiếp tục thành công trên nhiều lĩnh vực, tình hình kinh tế xã hội phát triển ổn định:

- Tổng sản phẩm xã hội (GDP) tăng 8,17% (kế hoạch 8%);
- Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 39,6 tỷ USD, tăng 22% so với năm trước và chiếm 60% GDP.
- Kim ngạch nhập khẩu đạt 44,4 tỷ USD tăng 20%; Tỷ lệ nhập siêu còn 12,1% thấp nhất từ trước tới nay; Tổng nguồn vốn đầu tư đạt khoảng 41% GDP (kế hoạch 38,6%);
- Chỉ số giá tiêu dùng tăng 6,6%, thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế, thấp hơn mức tăng 8,4% của năm 2005 và cũng là năm thứ ba liên tiếp CPI có xu hướng giảm.

Thị trường chứng khoán tuy còn non trẻ nhưng đã có những thành công rất nổi bật, cùng với việc hình thành nhiều Công ty đầu tư tài chính là những kênh huy động vốn cho nền kinh tế. Tuy nhiên, đó cũng là nhân tố cạnh tranh với hệ thống ngân hàng thương mại trong huy động vốn và chuyển dịch tiền gửi.

Năm 2006 ngành ngân hàng nước ta tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng cao trên nhiều lĩnh vực hoạt động và thị trường tài chính – tiền tệ nhìn chung ổn định, tổng nguồn vốn huy động tăng 35% và dư nợ cho vay nền kinh tế tăng 21,4% so với năm 2005.

Về quản lý vĩ mô, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế chính sách quan trọng phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và hoàn cảnh ngành ngân hàng trong nước, nhằm thể hiện đầy đủ các cam kết song phương, đa phương về mở cửa thị trường tài chính và nâng cao vai trò giám sát hệ thống ngân hàng thương mại.

Bên cạnh đó, giá vàng trong năm có sự tăng, giảm thất thường, đến cuối năm 2006 giá vàng bình quân tăng 36,6% so với năm 2005 và cao nhất so với các năm trước. Tỷ giá USD cơ bản bình ổn do giá thị trường thế giới giảm và nguồn USD vào nước ta qua các kênh tăng mạnh. Đồng thời, nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch cúm gia cầm, dịch lở mồm long móng và tình trạng hạn hán, bão lụt xảy ra liên tiếp, nên sự phát triển kinh tế cũng bị một số tác động nhất định.

Hoạt động Ngân hàng năm 2006

Những thuận lợi - khó khăn và các cơ hội - thách thức nêu trên đã tác động mạnh mẽ đến mọi mặt hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại nói chung. Song Sacombank vẫn gặt hái được những thành công rất ấn tượng và vượt bậc trong năm 2006 - năm đầu tiên của giai đoạn 5 năm 2006 – 2010 và là năm bản lề của chiến lược 10 năm 2001 – 2010. Đây cũng là những thành tích chào mừng sinh nhật lần thứ 15 của Sacombank.



Sacombank tiếp tục thực hiện chính sách kinh doanh đa dạng, năng động, đáp ứng nhu cầu của khách hàng với chất lượng cao nhất. Bên cạnh đó, Sacombank đã tăng nhanh năng lực tài chính; năng lực quản trị điều hành, tái cấu trúc bộ máy; nâng cấp công nghệ ngân hàng; hoàn thiện căn bản quy trình quy chế; mở rộng thị trường, thị phần và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng,... nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển và cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập.

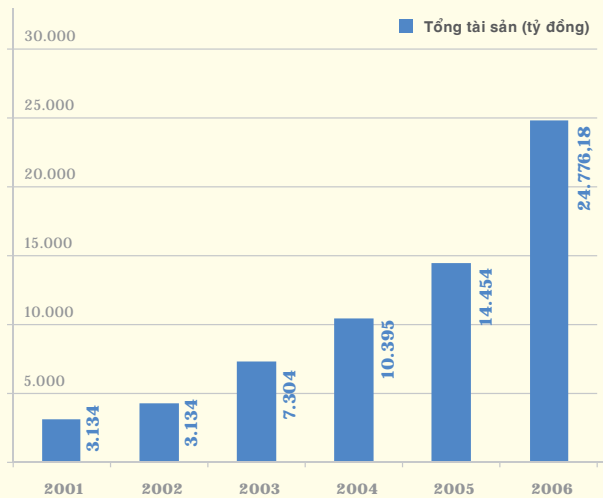
Ngày 12/7/2006 Sacombank chính thức niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, là một sự kiện có ý nghĩa rất quan trọng, thể hiện quyết tâm vượt qua thách thức của một Ngân hàng tiên phong.

Sacombank đã thắt chặt hơn nữa mối quan hệ với các định chế tài chính trong và ngoài nước, tiếp tục nhận được hỗ trợ kỹ thuật rất tích cực của IFC, ANZ và tổ chức CIDA (Cơ quan phát triển quốc tế Canada); liên kết với các tổ chức thế quốc tế và tham gia các hội nghị, diễn đàn quốc tế tại Mỹ và Singapore. Sacombank rất tự hào khi nhận được nhiều giải thưởng cao quý của UBND TP.Hồ Chí Minh; của Thống đốc NHNN và của các tổ chức có uy tín trong và ngoài nước.

Sự thành công của những tháng cuối năm 2006 đã tiếp tục khẳng định Sacombank phát triển bền vững, ổn định sau khi niêm yết cổ phiếu, thương hiệu và uy tín của Sacombank không ngừng được nâng cao. Thể hiện cam kết trách nhiệm của Sacombank với Nhà nước, với cổ đông và các nhà đầu tư, với toàn thể khách hàng và các cán bộ nhân viên Ngân hàng.

1. Tổng tài sản:

Tổng tài sản đến cuối năm đạt 24.776 tỷ đồng, tăng 71,4% so với năm trước. Tổng tài sản tăng 7,9 lần so với năm 2001, với tốc độ tăng bình quân hàng năm là 52%. Cơ cấu tổng tài sản được cấu trúc hài hòa nhằm đảm bảo tính sinh lời cao nhưng vẫn bảo đảm khả năng thanh khoản. Trong tổng tài sản, tài sản có sinh lời chiếm tỷ trọng 82,5%.

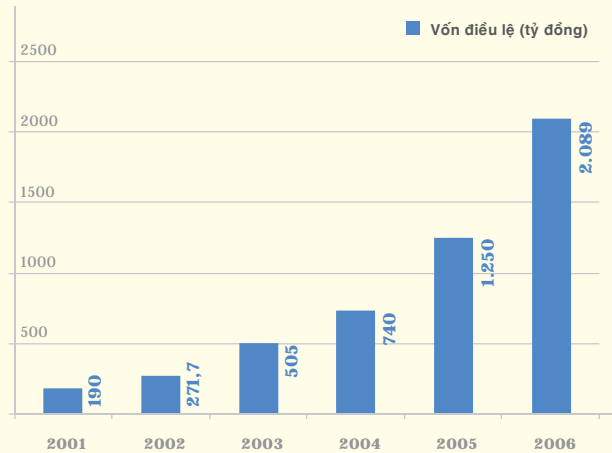


Biểu đồ tổng tài sản giai đoạn 2001 – 2006

2. Vốn chủ sở hữu:

Đến cuối năm 2006, vốn điều lệ của Ngân hàng là 2.089 tỷ đồng, tăng 67,2% so với đầu năm và gấp 11 lần so với năm 2001, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 62,3%. Cơ cấu vốn góp của các đối tác chiến lược nước ngoài chiếm tỷ trọng 30% theo đúng quy định của NHNN.

Với số vốn điều lệ hiện nay, Sacombank đang đứng đầu trong hệ thống các ngân hàng TMCP và đứng thứ 5 trong hệ thống các NHTM Việt Nam. Việc tăng vốn điều lệ đã tạo điều kiện cho Sacombank nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, mở rộng mạng lưới và đáp ứng các yêu cầu an toàn vốn theo qui định về



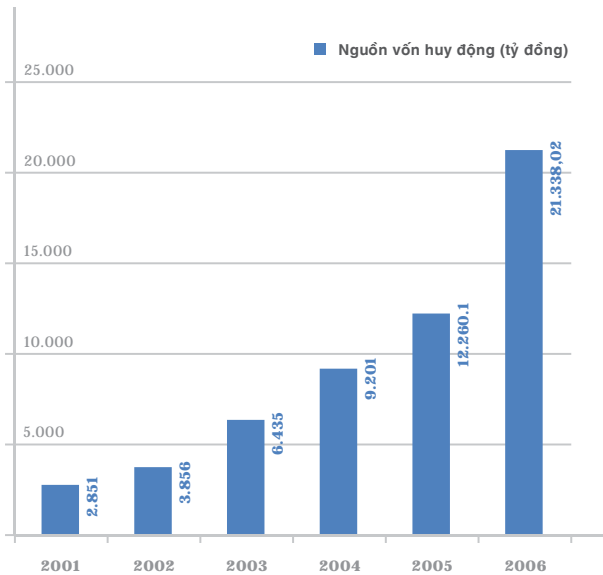
Biểu đồ vốn điều lệ giai đoạn 2001 – 2006

hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, sự hợp tác đầu tư của các đối tác chiến lược IFC, ANZ và Dragon Holdings Financial đã đem lại cơ hội tiếp cận, học hỏi các kinh nghiệm theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Đây là bước tiến tích cực của Sacombank trong quá trình hội nhập.

Ngân hàng đã thực hiện đúng đắn việc trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và Lợi nhuận không chia được trích lập ở mức hợp lý, vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông, vừa có tích lũy góp phần tạo nên sức mạnh tài chính và an toàn trong hoạt động Ngân hàng. Đến cuối năm, vốn chủ sở hữu đạt 2.870 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 11,6% trên tổng nguồn vốn, tăng 52,1% so với đầu năm, gấp 13,25 lần so với năm 2001, đạt tốc độ tăng bình quân hàng năm là 69,9%.

3. Hoạt động huy động vốn:

Huy động vốn đóng vai trò then chốt trong hoạt động Ngân hàng hiện nay, khi mà nhu cầu vốn đầu tư phát triển kinh tế xã hội rất lớn và nguồn tiền nhàn rỗi trong dân cư rất tiềm năng. Do đó, năm 2006 tiếp tục diễn ra cuộc chạy đua huy động vốn giữa các NHTM và sự cạnh tranh nhằm thu hút nguồn vốn nhàn rỗi diễn ra khá quyết liệt, vừa cạnh tranh bằng chính sách chăm sóc khách hàng và các dịch vụ tiện ích gia tăng, vừa cạnh tranh lãi suất và các chương trình khuyến mãi giá trị lớn. Đồng thời, thị trường chứng khoán sôi động và xuất hiện nhiều công ty đầu tư tài chính là những kênh huy động vốn cạnh tranh với hệ thống NHTM.



Biểu đồ nguồn vốn huy động giai đoạn 2001 – 2006

Cùng với việc mở rộng hệ thống mạng lưới và đội ngũ nhân viên bán hàng chuyên nghiệp, Ngân hàng đã tăng cường công tác quảng cáo thương hiệu, tạo ấn tượng tốt với khách hàng gửi tiền bằng cung cách phục vụ và kỹ năng chăm sóc khách hàng. Qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng nguồn vốn huy động. Đến cuối năm, tổng nguồn huy động vốn (quy VND) đạt 21.338 tỷ đồng, tăng 74% so với năm trước và tăng hơn 2 lần so với tốc độ tăng trưởng toàn ngành (35%). So với năm 2001, tổng nguồn vốn huy động tăng 7,5 lần, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 50,5%.

Về cơ cấu nguồn vốn huy động thì huy động vốn bằng VND chiếm tỷ trọng 73%; bằng vàng 11,9% và bằng ngoại tệ 15,1%; Nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 93,9% trong tổng huy động, tăng 75,4% so với năm trước; Nguồn vốn ngắn hạn chiếm tỷ trọng 82%, tăng 74,6% so với năm trước và nguồn vốn trung dài hạn chiếm tỷ trọng 18%, tăng 71,6% so với năm trước.

Để mở rộng nguồn huy động, tăng tỷ trọng nguồn vốn dài hạn, Ngân hàng tiếp tục đàm phán, giải ngân nguồn vốn ủy thác, đầu tư từ các định chế tài chính quốc tế. Số dư huy động đến cuối năm đạt 374,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,8%/tổng nguồn vốn huy động, trong đó RDF II 133,9 tỷ đồng; FMO 190,8 tỷ đồng và SMEDF 50 tỷ đồng.

Với tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động rất cao và sự chuyển dịch hợp lý về cơ cấu huy động, cho thấy công tác

mở rộng mạng lưới, mở rộng địa bàn hoạt động, cùng với hệ thống trụ sở khang trang bề thế đã bắt đầu phát huy tác dụng. Đây là lợi thế cạnh tranh của Sacombank trong thời kỳ hội nhập toàn diện

4. Hoạt động tín dụng:

Song hành với quá trình đổi mới và hội nhập của nền kinh tế, nhu cầu vốn đầu tư cho xã hội tiếp tục gia tăng, tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát triển tín dụng. Năm 2006 dư nợ cho vay nền kinh tế tăng ở mức

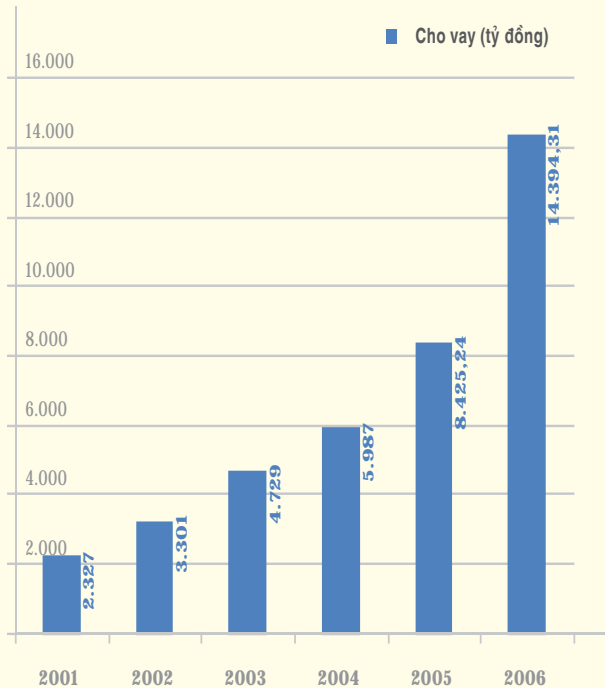


trung bình (21,4%) do các Ngân hàng Thương mại Nhà nước hạn chế cho vay để tái cấu trúc dư nợ và xử lý nợ xấu. Khác với các năm trước, NHNN khuyến khích tăng trưởng dư nợ, nhưng phải cơ cấu lại danh mục cho vay hợp lý và kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng.

Tổng dư nợ cho vay (quy VND) của Sacombank đến cuối năm đạt 14.394 tỷ đồng, tăng 70,9% so với đầu năm và tăng hơn 3 lần so với tốc độ tăng trưởng toàn ngành. So với năm 2001 dư nợ tăng 6,2 lần, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 44,7%/năm.

Về cơ cấu dư nợ cho vay:

- **Theo loại tiền:** cho vay bằng VND vẫn đóng vai trò chủ yếu với tỷ trọng 74,8%; cho vay bằng ngoại tệ 21,3% và bằng vàng 3,9%.
- **Theo loại hình:** Cho vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng 65,1% và cho vay trung dài hạn 34,9%.
- **Theo thành phần kinh tế:** Cho vay doanh nghiệp Nhà nước chiếm tỷ trọng 0,56%; doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 52,6% và Cá nhân, hộ gia đình chiếm 46,8% (năm 2005 là 39,62%).

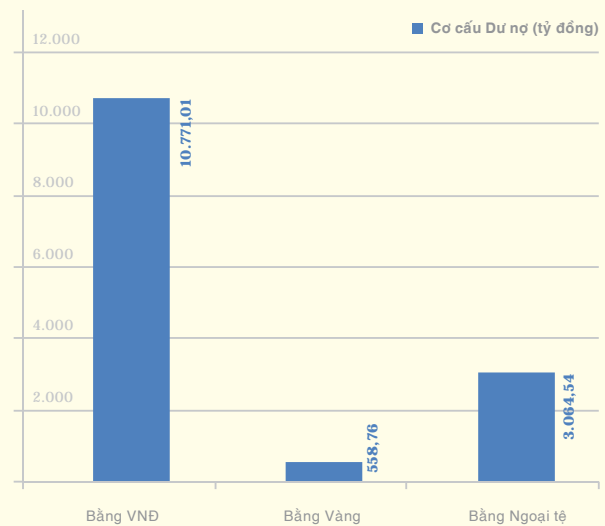


Biểu đồ dư nợ cho vay giai đoạn 2001 – 2006

Tỷ lệ cho vay/huy động cuối năm là 67,5%, giảm 1,1% so với năm 2005 (68,6%) và giảm 14,1% so với năm 2001 (81,6%). Đây là định hướng phát triển bền vững của Sacombank nhằm từng bước đa dạng danh mục sử dụng vốn và giảm dần sự lệ thuộc vào hoạt động tín dụng.

Đồng thời, Sacombank đã triển khai thêm một số sản phẩm tín dụng mới, liên kết với nhiều doanh nghiệp có thương hiệu lớn để cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngân hàng và thực hiện bảo hiểm cho khách hàng. Đây là những nét đặc trưng mới trong tiếp thị và bán sản phẩm mang tính liên kết mạng lưới toàn hệ thống của Sacombank nhằm phát huy tối đa lợi thế sẵn có để tăng lợi nhuận.

Trong năm 2005, Ngân hàng nhà nước ban hành Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng nhằm đưa hoạt động tín dụng tiếp cận dần với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Quyết định này có tầm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động cho vay, thu nợ, trích lập quỹ dự phòng và lợi nhuận của các Ngân hàng thương mại. Mặc dầu vậy, Sacombank vẫn tuân thủ triệt để quy định này, với tăng trưởng dư nợ khá cao nhưng chất lượng tín dụng vẫn luôn nằm trong tầm kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ 0,95%, trong đó tỷ lệ nợ xấu 0,72% và quỹ dự phòng rủi ro đến cuối năm đạt 81,4 tỷ đồng, tăng 77,4% so với năm trước. Đây là điểm nổi bật của



Biểu đồ cơ cấu dư nợ cho vay năm 2006

Sacombank trong quá trình tái cấu trúc dư nợ theo định hướng cho vay phân tán rủi ro với đối tượng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cá nhân và hộ gia đình.

Từ kinh nghiệm xây dựng Hệ thống xếp hạng tín dụng doanh nghiệp, trong năm Sacombank đã triển khai thử nghiệm hệ thống xếp hạng tín dụng cá nhân. Mặc dù còn trong giai đoạn hoàn thiện, nhưng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ là công cụ hỗ trợ đắc lực nhằm chuẩn hóa việc phân loại, xếp hạng khách hàng, quản lý chất lượng tín dụng và dự báo rủi ro,... Đây là một trong những căn cứ để đưa ra các quyết định cấp phát tín dụng như: hạn mức tín dụng, thời hạn, lãi suất. Sắp tới Ngân hàng sẽ xin phép Ngân hàng nhà nước áp dụng hệ thống này để phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Các cam kết và công nợ tiềm tàng về mở thư tín dụng và các khoản bảo lãnh cũng được kiểm tra chặt chẽ bằng nhiều biện pháp nghiệp vụ. Đến cuối năm, số dư các nghiệp vụ thư tín dụng và bảo lãnh là 2.629,6 tỷ đồng, tăng 81,2% so với đầu năm.

5. Hoạt động đầu tư

Cùng với sự khởi sắc của nền kinh tế trong quá trình hội nhập, thị trường chứng khoán phát triển sôi động và chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được đẩy mạnh, đây là cơ hội tiềm năng để phát triển hoạt động đầu tư. Bên cạnh tăng nhanh vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động đầu tư, liên doanh liên kết, góp vốn mua cổ phần vào các tổ chức kinh tế, Sacombank

đã và đang thực hiện chính sách đa hóa danh mục đầu tư nhằm dự trữ thanh khoản thứ cấp, phân tán rủi ro và tối ưu hóa lợi nhuận. Tính đến cuối năm, tổng số dư đầu tư vào chứng khoán vốn, chứng khoán nợ và góp vốn mua cổ phần đạt 3.109 tỷ đồng, tăng 61,2% so với năm trước. Nhìn chung, hoạt động đầu tư đóng góp đáng kể vào kết quả lợi nhuận chung của Ngân hàng.

6. Hoạt động thanh toán và bảo lãnh:

Về thanh toán quốc tế: Trong năm Sacombank đã đặt quan hệ với 1.173 đại lý của 72 ngân hàng. Và đến cuối năm Sacombank đã quan hệ với 8.900 đại lý của 222 ngân hàng tại 85 quốc gia trên thế giới. Tổng doanh số thanh toán quốc tế quy đổi đạt 1.917,89 triệu USD, tăng 26% so với năm trước.

Về thanh toán nội địa: Doanh số chuyển tiền đi trong và ngoài hệ thống tăng trưởng ổn định và doanh số cả năm đạt 94.415 tỷ đồng, tăng 47.666 tỷ đồng, với tỷ lệ tăng 102% so với năm trước.

Về bảo lãnh: Doanh số bảo lãnh trong năm là 68 triệu USD và 982,3 tỷ đồng. Số dư bảo lãnh đến cuối năm quy VND là 406,9 tỷ đồng.

7. Hoạt động thanh toán thẻ:

Với tái cấu trúc mới, Trung tâm thẻ trực thuộc Khối Dịch vụ Cá nhân đã dẫn đi vào hoạt động ổn định và có nhiều tiến bộ so với các năm trước. Với sự ra đời của các sản phẩm dịch vụ mới như thẻ Visa Debit, thẻ đồng thương hiệu VNPAY, thẻ đồng thương hiệu Sacom Metro, triển khai hoạt động chấp nhận thanh toán thẻ Master, dịch vụ chuyển khoản qua máy ATM,... bước đầu

hoạt động thanh toán thẻ của Sacombank đã tạo ra được sự chuyển biến đáng kể. Tổng số thẻ đã phát hành trong năm là 58.775 thẻ, tăng 49% so với năm trước. Nâng tổng số thẻ lưu hành đến cuối năm đạt 94.144 thẻ. Mạng lưới chấp nhận thẻ được tái bố trí, sắp xếp lại địa điểm và mở rộng thêm, đến cuối năm có 1.317 điểm chấp nhận thẻ.

Đồng thời, Trung tâm thẻ đã có những bước chuẩn bị cần thiết để sẵn sàng bước vào liên doanh với sự đầu tư về nhân sự, kinh nghiệm, năng lực quản lý, mạng lưới chấp nhận thanh toán thẻ, cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật.



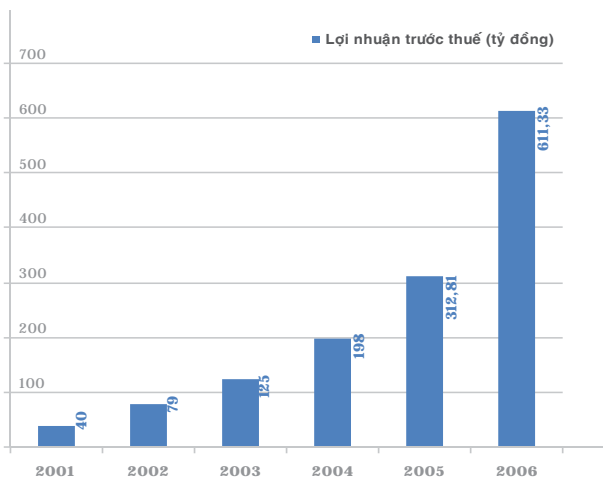
8. Kết quả kinh doanh:

Năm 2006 là năm Sacombank đạt mức lợi nhuận cao nhất từ trước tới nay. Lợi nhuận trước thuế đạt 611,33 tỷ đồng, tăng 95,4% so với năm trước, bằng 15,5 lần so với năm 2001 và đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2001-2006 là 74%.

Bên cạnh đó cơ cấu thu nhập và chi phí có sự chuyển biến tích cực, thu nhập phi tín dụng đã tăng dần tỷ trọng, nhằm cải thiện sự lệ thuộc vào thu nhập từ hoạt động tín dụng và chi điều hành giảm tỷ trọng so với các năm trước, góp phần tăng lợi nhuận.

9. Các chỉ tiêu tài chính và an toàn hoạt động:

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ và Quỹ bổ sung vốn điều lệ (ROE) bình quân là 20,56%, xấp xỉ với năm trước;
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) bình quân là 2,08%, cao hơn năm trước (1,85%);
- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 11,82% (> 8%) theo quy định của NHNN;
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn 15,54% (<40% theo quy định của NHNN);



Biểu đồ lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2001 – 2006

Mặc dù tổng tài sản và vốn tự có tăng nhanh, nhưng các chỉ số tỷ suất lợi nhuận vẫn duy trì khá tốt, ngang bằng và cao hơn năm trước, các tỷ lệ an toàn vốn đảm bảo theo quy định của NHNN. Cho thấy Sacombank phát triển ổn định, bền vững và chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Nhà nước.

Quản trị điều hành:

1. Công tác tái cấu trúc bộ máy:

Nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập và cạnh tranh, Sacombank đã phát triển rất nhanh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu chất lượng, đòi hỏi phải nhanh chóng tái cấu trúc bộ máy Ngân hàng theo dòng sản phẩm và hướng tới phục vụ khách hàng. Do đó, trong năm Sacombank đã tiến hành tái cấu trúc, bắt đầu từ Hội sở với việc thành lập mới và sắp xếp các Khối, Phòng nghiệp vụ, đồng thời rà soát xây dựng lại chức năng nhiệm vụ của các Phòng.

2. Công tác quản trị và điều hành:

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành là ba cơ quan hoạt động độc lập về sự phân công, phân nhiệm, xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp lẫn nhau trong quản trị - điều hành - giám sát. Đồng thời, ba cơ quan này đều gồm những thành viên có năng lực, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, có tinh thần trách nhiệm, tuân thủ pháp luật và đoàn kết gắn bó nhằm duy trì tính thống nhất và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và giám sát các lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng.

Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ thường trực; Ban kiểm soát hoạt động độc lập với sự hỗ trợ của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ và Ban điều hành hoạt động trên phương diện toàn Ngân hàng đã điều phối, theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh một cách tập trung và đề ra biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời.

3. Mô hình quản lý theo khu vực và khối nghiệp vụ

Mô hình quản lý theo Khu vực và Khối nghiệp vụ ngày càng thể hiện tính ưu việt, khi mà hệ thống mạng lưới phát triển nhanh. Với mô hình này đã giúp cho Ngân hàng quản lý điều hành hoạt động kinh doanh

xuyên suốt, đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh tại các đơn vị. Hệ thống phân cấp, phân quyền đã phát huy vai trò chủ động của Khu vực, Khối nghiệp vụ trong chỉ đạo điều hành, từ đó công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh tài chính, kế hoạch mở rộng mạng lưới, kế hoạch nhân sự,... đã được tiến hành một cách chặt chẽ và tiến bộ hơn.

4. Công tác quản lý rủi ro:

Theo mô hình tái cấu trúc mới, Ngân hàng đã thành lập Phòng Quản lý rủi ro hoạt động có tính chất độc lập nhằm chuyên nghiệp hóa công tác quản lý rủi ro toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng. Đồng thời, với sự hỗ trợ tích cực của các chuyên gia IFC, ANZ và tổ chức CIDA, công tác quản lý rủi ro đã được vận hành và mang lại hiệu quả thiết thực.

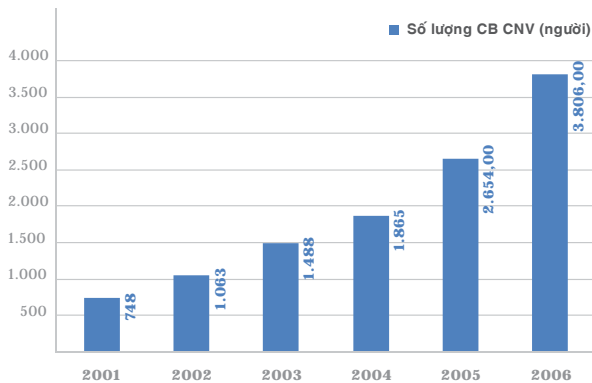
5. Công tác quản trị nhân sự và đào tạo nghiệp vụ:

Quy mô Ngân hàng ngày càng phát triển, đòi hỏi nguồn nhân lực tăng nhanh cả lượng và chất. Đến cuối năm 2006, tổng số nhân viên là 3.808 người, tăng 1.152 người, với tỷ lệ tăng 43,4% so với đầu năm. So với năm 2001 nhân sự tăng 3.058 người và đạt tỷ lệ tăng bình quân hàng năm 38,6%.



Cơ cấu nhân sự theo giới tính nữ chiếm 50,4% và nam chiếm 49,6%; cơ cấu theo trình độ học vấn trên đại học chiếm 1%; Đại học và Cao đẳng 67%; Trung cấp 8% và Phổ thông 24%.

Chất lượng nguồn nhân lực là yêu cầu đi đôi với tăng trưởng, công tác tuyển dụng được chú trọng từ chất lượng đầu vào,



Biểu đồ số lượng nhân sự giai đoạn 2001 – 2006 và Cơ cấu nhân sự năm 2006

công tác đào tạo và tái đào tạo được quan tâm, giúp cho đội ngũ cán bộ nhân viên kịp thời cập nhật kiến thức, nâng cao tay nghề. Trong đó, nhấn mạnh vai trò tự đào tạo, thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo trao đổi nghiệp vụ và kinh nghiệm làm việc tại các đơn vị là hình thức đào tạo vừa sát sườn với hoạt động kinh doanh, vừa tiết kiệm đáng kể chi phí đào tạo và giúp cho cán bộ nhân viên tự hoàn thiện. Cùng với chương trình tái cấu trúc bộ máy, Ngân hàng đã thực hiện có hiệu quả chủ trương thu hút, trọng dụng nhân tài và luân chuyển cán bộ điều hành các cấp, đồng thời từng bước hoàn thiện quy trình, tiêu chuẩn tuyển dụng, đào tạo và quản lý nhân sự nhằm nâng cao trình độ quản lý, năng lực điều hành đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của Ngân hàng.

6. Công nghệ ngân hàng:

Hiện đại hóa hệ thống công nghệ ngân hàng đóng vai trò rất quan trọng nhằm ứng dụng vào công tác quản trị điều hành kinh doanh tập trung, quản trị rủi ro, phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng, quản trị kế toán – tài chính, thanh tra – giám sát hoạt động nội bộ, phát triển các dịch vụ ngân hàng điện tử và giao dịch thanh toán qua hệ thống ATM. Vì vậy, Sacombank ưu tiên đầu tư vào công nghệ ngân hàng.

Trong năm đã triển khai ứng dụng chương trình ngân hàng lõi (Corebanking) T-24 cho 40 điểm giao dịch, trong đó đã triển khai toàn bộ khu vực Miền Bắc và các Chi nhánh, Phòng giao dịch mới khai trương hoạt động. Đồng thời, từng bước thiết lập hệ thống an ninh mạng, hệ thống lưu trữ toàn Ngân hàng, xây dựng kế hoạch khắc phục thảm họa và đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống trên cơ sở tư vấn của các chuyên gia IFC, ANZ.

7. Công tác lập quy:

Trong hai năm 2005 & 2006 Ngân hàng đã ban hành nhiều cơ chế chính sách quan trọng, theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập, đồng thời Ngân hàng tiến hành tái cấu trúc bộ máy. Do đó, công tác lập quy thực hiện khối lượng công việc đáng kể. Nhiều văn bản, chính sách được ban hành, sửa đổi, cập nhật, hệ thống hóa để kịp thời hướng dẫn thi hành các quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ thừa hành thực thi đúng và thống nhất trên toàn hệ thống, từng bước thực hiện công tác chuẩn hóa hoạt động. Đồng thời, trang web văn bản lập quy đã hoàn thành và được cập nhật thường xuyên, đây là địa chỉ tin cậy để khai thác thông tin, chính sách của Ngân hàng.

8. Công tác phát triển sản phẩm dịch vụ mới:

Với nhận thức cạnh tranh ngày càng gay gắt trong nhiều lĩnh vực hoạt động ngân hàng, việc cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ là yêu cầu cấp thiết. Tranh thủ kinh nghiệm của ANZ, trong năm Sacombank đã đưa ra thị trường một số sản phẩm mới và cải tiến sản phẩm hiện có, nhất là một số sản phẩm ứng dụng công nghệ E-banking đã được đưa vào thử nghiệm và đạt được một số kết quả nhất định.



Sự tiến bộ so với các năm trước là sản phẩm dịch vụ mới được nghiên cứu, thiết kế, tổ chức tập huấn và quảng cáo có tính chuyên nghiệp hơn. Đã xuất hiện nhiều sản phẩm, dịch vụ liên kết với các ngân hàng, doanh nghiệp nhằm khai thác ưu thế về hệ thống mạng lưới.

Sau tái cấu trúc bộ máy, tại Hội sở đã hình thành Phòng tiếp thị và phát triển sản phẩm thuộc Khối dịch vụ doanh nghiệp và Khối dịch vụ cá nhân nhằm chuẩn hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng, chuyên nghiệp hóa công tác triển khai thực hiện và hỗ trợ thông tin kịp thời cho khách hàng.

9. Công tác phát triển thương hiệu và quan hệ quốc tế & công chúng:

Trong năm, công tác quảng bá thương hiệu và quan hệ cộng đồng của Ngân hàng đã tiến bộ vượt bậc so với các năm trước đây, góp phần nâng cao vị thế thương hiệu và uy tín của Sacombank.



Đối với trong nước, Sacombank đã tổ chức thành công nhiều sự kiện quan trọng: Tổ chức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; Kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Sacombank; Khai trương thành lập các Công ty và đơn vị trực thuộc, khánh thành trụ sở mới; Thực hiện các chương trình khuyến mãi; Trao học bổng Sacombank; Chương trình giải việt dã cùng Sacombank chạy vì sức khỏe cộng đồng; Tham gia các cuộc hội thảo, triển lãm; Tổ chức công tác từ thiện, cứu trợ,... Đồng thời, lồng ghép nhiều chương trình quảng bá thương hiệu trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Đối với quốc tế, Ngân hàng đã tham dự nhiều hội nghị quốc tế và khu vực như: Hội nghị tài chính quốc tế do Quỹ tiền tệ thế giới chủ trì tại Singapore và Hội nghị với các Ngân hàng đại lý, tham dự diễn đàn các nhà đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương tổ chức tại Mỹ. Qua đó, giới thiệu thương hiệu Sacombank trên trường quốc tế và khu vực.

10. Công tác niêm yết cổ phiếu:

Ngày 12/7/2006 Sacombank chính thức niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM. Giá cổ phiếu STB biến động theo xu hướng chung của thị trường và không xảy ra hiện tượng tăng giảm đột biến. Đồng thời, Sacombank đã tuân thủ đúng các quy định về chứng khoán và thể hiện đầy đủ trách nhiệm của một công ty niêm yết, cùng với kết quả đạt được trong năm 2006 đã vun đắp lòng tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với cổ phiếu STB.

11. Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ:

Hoạt động kiểm tra kiểm soát được tiến hành thường xuyên, liên tục và có chiều sâu về quản lý chất lượng và dự báo rủi ro. Ngay từ đầu năm Ngân hàng đã ban hành quy chế tự kiểm tra, chấn chỉnh nhằm nâng cao vai trò tự kiểm tra chấn chỉnh tại các đơn vị trực thuộc, đồng thời Ban kiểm soát thành lập đoàn kiểm tra chấn chỉnh mọi mặt hoạt động của Ngân hàng trên phạm vi toàn hệ thống.

12. Công tác mở rộng mạng lưới:

Trong năm Sacombank đã thành lập mới 46 điểm giao dịch (gồm 14 chi nhánh và 32 phòng giao dịch), nâng tổng số 159 điểm giao dịch tại 38 tỉnh, thành trên cả nước. Đồng thời, tuân thủ triệt để quyết định của NHNN về sắp xếp, chuyển thể Chi nhánh cấp 2 và Phòng giao dịch.

Với tốc độ mở rộng mạng lưới trong giai đoạn 2001 – 2006, Sacombank đi trước một bước nhằm chiếm lĩnh thị trường, tăng thị phần và đặt nền tảng để phát triển thành tập đoàn tài chính đa chức năng – đa sở hữu trong tương lai. Cùng với mạng lưới giao dịch, hệ thống trụ sở khang trang bề thế tại các vị trí trọng điểm tạo ra ưu thế trong cạnh tranh và hội nhập, củng cố và vun đắp lòng tin khách hàng giao dịch. Mặt khác, chi phí thành lập đã được hạch toán vào các năm trước, nhân sự tự đào tạo và được nâng cao nghiệp vụ theo thời gian, hệ thống trụ sở là cơ hội tích sản trong tương lai và là cơ sở xác định giá trị Ngân hàng của các đối tác đầu tư. Đây là lợi thế so sánh rất tiềm năng, thể hiện chiến lược của Sacombank đã và đang thực hiện thành công.

13. Hoạt động của các Công ty trực thuộc:

Trong năm, Ngân hàng đã thành lập thêm 3 công ty trực thuộc gồm:

- Công ty cho thuê tài chính (SacombankLeasing)
- Công ty Kiểu hối (SacomRex)
- Công ty Chứng khoán (SBS).



Như vậy, Sacombank có 4 Công ty trực thuộc, phù hợp với lộ trình chiến lược phát triển giai đoạn 2001 – 2010 đã đề ra.

Ngân hàng cung cấp vốn hoạt động cho các Công ty trực thuộc đến cuối năm đạt 484 tỷ đồng, tăng 472 tỷ đồng so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 23,2%/tổng vốn điều lệ của Ngân hàng

Nhìn chung, các Công ty trực thuộc mới thành lập nhưng đã từng bước ổn định cơ cấu tổ chức nhân sự, hoàn thiện quy chế, quy trình quản lý nội bộ và đi vào hoạt động ổn định. Điều này thể hiện nỗ lực rất lớn của Ngân hàng trong suốt quá trình từ việc chuẩn bị thành lập cho đến bước vận hành hoạt động.

14. Công tác tiếp nhận các dự án hỗ trợ kỹ thuật:

Các cổ đông chiến lược IFC, ANZ và Dragon Holdings Financial đã tích cực hỗ trợ Sacombank trên nhiều lĩnh vực mang tính chiến lược và cử những chuyên gia có kinh nghiệm làm việc thường trực hoặc bán thời gian tại Ngân hàng. Nhằm tranh thủ sự hỗ trợ nhiệt tình trên, Sacombank đã tổ chức một bộ phận để tiếp nhận các dự án hỗ trợ kỹ thuật (TA) về tư vấn quản trị ngân hàng và tái cấu trúc bộ máy, tư vấn triển khai dự án Corebanking T-24 và Data Center, tư vấn phát triển kênh phân phối dịch vụ và phát triển sản phẩm mới, tư vấn về củng cố công tác quản lý rủi ro.

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

GIẤY PHÉP

Số 0006/NH-GP ngày 5 tháng 12 năm 1991.

Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày của giấy phép đầu tiên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đặng Văn Thành

Chủ tịch

Ông Dominic Scriven

Phó Chủ tịch (từ nhiệm 21/04/2006)

Ông Trần Văn Ngọc

Thành viên

Bà Huỳnh Quế Hà

Phó Chủ tịch thứ nhất

Ông John Law

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh

Thành viên

Ông Nguyễn Châu

Phó Chủ tịch

Ông Adil Ahmad

Thành viên

Ông Đặng Hồng Anh

Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Tấn Thành

Trưởng ban

Ông Phạm Duy Cường

Thành viên

Ông Doãn Bá Tùng

Thành viên

Ông Lê Văn Tòng

Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Phan Bích Vân

Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm 13/02/2006)

Ông Lê Tấn Lộc

Tổng Giám đốc

(từ nhiệm 13/02/2006)

Ông Trần Trọng Hân

Phó Tổng Giám đốc

(từ nhiệm 15/8/2006)

Ông Hoàng Khánh Sinh

Phó Tổng Giám đốc thứ nhất

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Phó Tổng Giám đốc

Ông Hồ Xuân Nghiễm

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lưu Huỳnh

Phó Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm 16/08/2006)

Ông Mạc Hữu Danh

Phó Tổng Giám đốc

(từ nhiệm 26/09/2006)

Bà Nguyễn Huỳnh Thu Trúc

Phó Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm 09/08/2006

và từ nhiệm 25/01/2007)

Ông Nguyễn Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm 16/06/2006)

Ông Tào Thành Danh

Phó Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm 10/08/2006)

TRỤ SỞ CHÍNH

278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO KIỂM TOÁN GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA NGÂN HÀNG

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín (“Ngân hàng”) và các công ty con của Ngân hàng (Ngân hàng và các công ty con gọi chung là “Nhóm Công ty”) gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm kết thúc vào ngày nêu trên, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh.

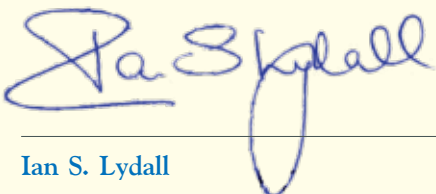
TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN VÀ CƠ SỞ ĐƯA RA Ý KIẾN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có sai sót trọng yếu hay không. Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, kể cả đánh giá rủi ro các báo cáo tài chính bị sai sót trọng yếu do gian trá hoặc bị lỗi. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà ban giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đã đủ và thích hợp để làm cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý KIẾN

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty cho năm kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác đang hoạt động tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.



Ian S. Lydall

Số Chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chữ ký được ủy quyền



Lê Văn Hòa

Số Chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công Ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

TP. Hồ Chí Minh, nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM1290
Ngày 15 tháng 3 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

* Đơn vị tính: Triệu VND

	THUYẾT MINH	2006	2005
TÀI SẢN			
Tiền và kim loại quý	4	2.827.452	1.370.108
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	993.590	408.685
Tiền gửi tại các ngân hàng nước ngoài	6	145.718	162.307
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước	7	1.873.811	1.284.904
Chứng khoán kinh doanh	8	263.631	96.602
Cho vay khách hàng	9	14.312.895	8.379.335
Chứng khoán đầu tư giữ để bán	10	191.555	-
Chứng khoán nợ đầu tư giữ đến khi đáo hạn	11	1.873.469	1.514.919
Đầu tư vào công ty liên doanh	12	110.604	9.387
Đầu tư vào các đơn vị khác	13	669.973	307.601
Tài sản cố định hữu hình	14	416.764	329.776
Tài sản cố định vô hình	15	273.638	60.014
Tài sản cố định thuê tài chính	16	17.812	-
Xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định	17	250.591	231.732
Tài sản khác	18	554.680	298.968
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		24.776.183	14.454.338
NGUỒN VỐN			
Vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	19	107.000	170.370
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước	20	815.473	502.400
Tiền gửi của khách hàng	21	17.511.580	10.467.158
Chứng chỉ tiền gửi	22	2.529.299	956.546
Vốn nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác	23	374.668	163.630
Nợ khác	24	532.523	290.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		35.294	16.008
TỔNG NỢ		21.905.837	12.566.658
VỐN VÀ CÁC QUỸ			
Vốn	25	2.248.726	1.250.948
Lợi nhuận chưa phân phối	26	436.146	178.888
Các quỹ dự trữ	26	185.474	457.844
TỔNG VỐN VÀ CÁC QUỸ		2.870.346	1.887.680
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		24.776.183	14.454.338
CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG	40	3.279.434	2.652.022



Đặng Văn Thành

Chủ tịch

Ngày 15 tháng 3 năm 2007

Phan Bích Vân

Tổng Giám đốc

Lê Nguyễn Thành Trung

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2006

* Đơn vị tính: Triệu VND

	THUYẾT MINH	2006	2005
Thu nhập lãi và các khoản tương tự	27	1.647.753	1.032.922
Chi phí lãi và các khoản tương tự	28	(983.994)	(597.913)
THU NHẬP LÃI RÒNG		663.759	435.009
Thu nhập từ các khoản phí và dịch vụ	29	143.162	100.467
Chi trả phí và dịch vụ	30	(31.692)	(29.441)
THU NHẬP RÒNG TỪ PHÍ VÀ DỊCH VỤ		111.470	71.026
Cổ tức		29.658	15.445
Thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	31	143.484	19.532
Thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ	32	4.178	25.417
Thu nhập hoạt động khác	33	36.255	23.798
TỔNG THU NHẬP KINH DOANH		988.804	590.227
Chí phí nhân viên	34	(187.462)	(119.701)
Chi phí khấu hao		(34.617)	(21.164)
Chi phí hoạt động khác	35	(187.050)	(119.442)
TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH		(409.129)	(260.307)
Dự phòng rủi ro tín dụng	9.7	(35.959)	(18.751)
Dự phòng chung cho các khoản cam kết và nợ tiềm tàng	24	(6.943)	(4.698)
Dự phòng giảm giá chứng khoán		(58)	-
TỔNG LỢI NHUẬN KINH DOANH		536.715	306.471
Lợi nhuận được hưởng từ công ty liên doanh		74.613	6.336
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		611.328	312.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	37	(141.200)	(74.383)
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	37	-	-
LỢI NHUẬN TRONG NĂM		470.128	238.424
Lãi trên cổ phiếu phân bổ cho cổ đông sở hữu của ngân hàng mẹ trong năm.	38	Đồng/cổ phần	Đồng/cổ phần
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.675	2.425



Đặng Văn Thành

Chủ tịch

Ngày 15 tháng 3 năm 2007

Phan Bích Vân

Tổng Giám đốc

Lê Nguyễn Thành Trung

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2006

* Đơn vị tính: Triệu VND

	2006	2005
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	611.328	312.807
<i>Điều chỉnh từ lợi nhuận trước thuế sang tiền thu vào thuần từ các hoạt động kinh doanh:</i>		
Khấu hao	34.617	21.164
Dự phòng rủi ro tín dụng	35.959	18.751
Dự phòng chung cho các khoản cam kết và nợ tiềm tàng	6.943	4.698
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(820)	(2.537)
Lãi do thanh lý tài sản cố định	(6.659)	(469)
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	(143.484)	(19.532)
Lợi nhuận được hưởng từ công ty liên doanh	(74.613)	(6.336)
Lãi do đầu tư vào các đơn vị khác	(29.658)	(15.445)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ KINH DOANH	433.613	313.101
Tăng tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	(288.172)	(80.057)
Tăng cho vay khách hàng	(5.969.519)	(2.439.543)
Tăng lãi dự thu	(117.137)	(60.805)
Tăng tài sản khác	(138.575)	(60.720)
(Giảm)/tăng tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(63.370)	170.370
Tăng tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước	313.073	6.844
Tăng tiền gửi của khách hàng	7.044.422	2.675.274
Tăng chứng chỉ tiền gửi	1.572.753	198.189
Tăng vốn nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác	211.038	36.113
Tăng các khoản lãi dự chi	110.467	47.510
Tăng/(giảm) các khoản công nợ khác	128.352	(22.722)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	3.236.944	783.554
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	(121.915)	(59.275)
Thuế trả thêm cho những năm trước	-	(2.172)
Chi từ các quỹ dự trữ	(32.871)	(16.390)
Khoản thu tăng thêm do phát hành cổ phiếu	343	301.835
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	3.082.501	1.007.552

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (t.t)

Cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2006

*Đơn vị tính: Triệu VND

	2006	2005
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(428.201)	(246.166)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	81.057	950
Mua chứng khoán	(755.852)	(178.451)
Tiền thu do bán chứng khoán	182.202	95.024
Đầu tư vào các đơn vị khác	(455.589)	(231.198)
Đầu tư vào các công ty liên doanh	(42.840)	-
Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	93.216	68.827
Lãi do đầu tư vào các đơn vị khác	29.658	18.539
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(1.296.349)	(472.475)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu do tăng vốn cổ phần	624.973	510.000
Cổ tức đã trả cho các cổ đông	(84.730)	(104.802)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	540.243	405.198
TĂNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	2.326.395	940.275
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI NGÀY 1 THÁNG 1	3.144.176	2.203.901
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12	5.470.571	3.144.176
Tiền và các khoản tương đương tiền gồm có:		
Tiền và kim loại quý	2.827.452	1.370.108
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	993.590	408.685
Tiền gửi tại các ngân hàng nước ngoài	145.718	160.479
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước	1.503.811	1.204.904
	5.470.571	3.144.176



Đặng Văn Thành

Chủ tịch

Ngày 15 tháng 3 năm 2007

Phan Bích Vân

Tổng Giám đốc

Lê Nguyễn Thành Trung

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

1. Đặc điểm hoạt động:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép hoạt động theo Giấy Phép Ngân Hàng số 0006/NH-GP ngày 5 tháng 12 năm 1991. Ngân hàng bắt đầu hoạt động từ ngày 21 tháng 12 năm 1991.

Trụ sở chính của Ngân hàng tọa lạc tại số 278 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Ngân hàng có một Hội sở, hai sở giao dịch, 47 chi nhánh và 99 phòng giao dịch trên toàn quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Ngân hàng có bốn công ty con và một công ty liên doanh như sau:

	GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	LÃNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	4104000053	Quản lý tài sản	100%
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	04/GP-NHNN	Cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	4104000197	Nghiệp vụ chứng khoán	100%
Công ty TNHH Kiểu hối Sài Gòn Thương Tín	90/QĐ-NHNN	Chuyển tiền kiểu hối	100%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam	01/GPĐT-UBCKNN 58/QĐ-UBCK	Quản lý quỹ đầu tư và tư vấn tài chính	51%

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

2.1 CƠ SỞ CỦA VIỆC SOẠN LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập sử dụng đơn vị tiền tệ là triệu đồng Việt Nam, theo quy ước giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành áp dụng cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Do đó các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nước và các thể chế khác.

Nhóm Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam sau đây từ trước năm 2006:

- Chuẩn mực 01: Chuẩn mực chung
- Chuẩn mực 03: Tài sản cố định hữu hình
- Chuẩn mực 04: Tài sản cố định vô hình
- Chuẩn mực 10: Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái
- Chuẩn mực 14: Doanh thu và thu nhập khác
- Chuẩn mực 21: Trình bày báo cáo tài chính
- Chuẩn mực 24: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Chuẩn mực 26: Thông tin về các bên liên quan
- Chuẩn mực 05: Bất động sản đầu tư
- Chuẩn mực 08: Thông tin tài chính về các khoản vốn góp liên doanh
- Chuẩn mực 17: Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Chuẩn mực 22: Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự
- Chuẩn mực 23: Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- Chuẩn mực 25: Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con
- Chuẩn mực 29: Thay đổi trong chính sách kế toán, các ước tính kế toán và các sai sót

Trong năm 2006, Nhóm Công ty đã áp dụng thêm các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành sau đây:

- Chuẩn mực 11: Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực 18: Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
- Chuẩn mực 30: Lãi trên cổ phiếu

Việc áp dụng các chuẩn mực mới này được trình bày trong những chính sách kế toán dưới đây.

2.2 BÁO CÁO HỢP NHẤT

(a) Các công ty con

Các công ty con là những công ty mà Nhóm Công ty có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất từ ngày quyền kiểm soát của các công ty này được trao cho Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày Nhóm Công ty không còn quyền kiểm soát các công ty này.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Nhóm Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(b) Các công ty liên kết và công ty liên doanh

Các công ty liên kết là các công ty mà Nhóm Công ty có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát, thông thường Nhóm Công ty nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết.

Công ty liên doanh là hợp đồng liên doanh trong đó Nhóm Công ty và các đối tác khác thực hiện các hoạt động kinh tế trên cơ sở thiết lập quyền kiểm soát chung.

(c) Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các đơn vị khác gồm đầu tư cổ phần với tỉ lệ dưới 20% vào các công ty không niêm yết. Đầu tư vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá thị trường tại thời điểm đầu tư. Chênh lệch giữa giá thị trường và giá mua được hạch toán trong bảng cân đối kế toán như là một khoản chi phí chờ phân bổ hoặc thu nhập chờ phân bổ. Các khoản chi phí hay thu nhập chờ phân bổ này sau đó sẽ được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh. Dự phòng được lập trong trường hợp bị giảm giá. Việc hạch toán khoản dự phòng được thực hiện theo Thông tư số 12/2006/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 2 năm 2006.

Do không thể đo lường một cách tin cậy giá trị hợp lý của những khoản chứng khoán không niêm yết, những khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá vốn. Cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Nhóm Công ty có quyền nhận các cổ tức này.

2.3 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12

2.4 NGOẠI TỆ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo đơn vị triệu đồng Việt Nam.

Theo Quyết định số 522/2000/QĐ-NHNN2 do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2000 có hiệu lực từ năm 2000, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tài sản và công nợ bằng tiền gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối tháng được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày cuối tháng. Chênh lệch do đánh giá lại hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ trong bảng cân đối kế toán. Số dư chênh lệch do đánh giá lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm cuối năm.

2.5 THU NHẬP LÃI VÀ CHI PHÍ LÃI

Ngân hàng ghi nhận lãi tiền vay và lãi tiền gửi theo phương pháp trích trước theo Thông tư số 12/2006/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 2 năm 2006 và Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 17 tháng 5 năm 2001.

2.6 THU NHẬP PHÍ VÀ HOA HỒNG

Phí và hoa hồng bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh, phí từ cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán và các dịch vụ khác. Phí và hoa hồng nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thực nhận. Phí từ các khoản bảo lãnh được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh loại niêm yết ban đầu được ghi nhận theo giá vốn. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá vốn trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập khi giá thị trường của chứng khoán thấp hơn giá trị sổ sách. Việc hạch toán khoản dự phòng được thực hiện theo Thông tư số 12/2006/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 2 năm 2006. Các chứng khoán không niêm yết được ghi nhận theo giá vốn vì không thể đo lường một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của các chứng khoán này.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo số thuần.

(b) Chứng khoán nợ giữ đến khi đáo hạn

Chứng khoán nợ giữ đến khi đáo hạn được ghi nhận theo giá vốn.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi chứng khoán trước ngày mua được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

(c) Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá vốn. Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi chứng khoán trước ngày mua được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá vốn trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập trong trường hợp bị giảm giá. Việc hạch toán khoản dự phòng được thực hiện theo Thông tư số 12/2006/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 2 năm 2006.

2.8 CÁC KHOẢN CHO VAY, ỨNG TRƯỚC VÀ CHO THUÊ TÀI CHÍNH KHÁCH HÀNG

Các khoản cho vay, ứng trước và cho thuê tài chính được thể hiện theo giá trị đã trừ đi các khoản dự phòng. Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản vay có kỳ hạn dưới 1 năm. Các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn từ 1 năm đến 5 năm. Các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn trên 5 năm.

Ngân hàng thực hiện việc cho vay và ứng trước khách hàng theo Quyết định 1627/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 và Quyết định 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 5 năm 2005. Các khoản cho vay, ứng trước và cho thuê tài chính được phân loại theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005.

Theo đó, các khoản cho vay, tạm ứng và cho thuê tài chính được phân thành năm nhóm nợ như sau:

Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn

- Các khoản nợ trong hạn mà Ngân hàng đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn;
- Các khoản nợ cơ cấu lại được trả đầy đủ cả gốc và lãi theo điều khoản cơ cấu lại tối thiểu trong vòng một năm đối với các khoản nợ trung và dài hạn và ba tháng đối với các khoản nợ ngắn hạn và được Ngân hàng đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi đúng theo thời hạn được cơ cấu lại.

Nhóm 2: Nợ cần chú ý

- Các khoản nợ quá hạn dưới 90 ngày;
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong hạn theo thời hạn được cơ cấu lại;

Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn

- Các khoản nợ quá hạn từ 90 đến 180 ngày;
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn được cơ cấu lại.

Nhóm 4: Nợ nghi ngờ

- Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày;
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn từ 90 ngày đến 180 ngày theo thời hạn được cơ cấu lại.

Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn

- Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày;
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn trên 180 ngày theo thời hạn được cơ cấu lại.
- Các khoản nợ khoanh chờ Chính phủ xử lý.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Trường hợp các khoản nợ (kể cả các khoản nợ trong hạn và các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong hạn theo thời hạn được cơ cấu lại) mà Ngân hàng có đủ cơ sở để đánh giá là khả năng trả nợ của khách hàng bị suy giảm thì Ngân hàng chủ động tự quyết định phân loại các khoản nợ đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, dự phòng cụ thể và dự phòng chung được lập cho các hoạt động tín dụng. Theo Quyết định này, việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

TỶ LỆ DỰ PHÒNG

Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng cụ thể được tính trên giá trị khoản vay trừ giá trị của tài sản đảm bảo cho từng khách hàng vay. Giá trị của tài sản đảm bảo là giá thị trường được chiết khấu theo tỷ lệ qui định cho từng loại tài sản đảm bảo như qui định trong Quyết định trên.

Theo Quyết định trên, một khoản dự phòng chung cũng được lập nhằm duy trì mức dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị của các khoản nợ ngoại trừ nợ có khả năng mất vốn. Mức dự phòng chung này được yêu cầu phải đạt được trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

2.9 DỰ PHÒNG CHUNG CHO CÁC KHOẢN CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, một khoản dự phòng chung cũng được lập nhằm duy trì mức dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị của các khoản bảo lãnh, cam kết cho vay và chấp nhận thanh toán. Mức dự phòng chung này được yêu cầu phải đạt được trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	2006	2005
Tòa nhà	2,22%	2,22%
Thiết bị văn phòng	12,50% - 20,00%	12,50% - 20,00%
Xe cộ	10,00%	10,00%
Tài sản khác	10,00%	100%

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh.

2.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được khấu hao trong năm năm kể từ ngày đưa vào sử dụng.

2.12 THUÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Việc thuê tài sản cố định mà về thực chất Nhóm Công ty chịu toàn bộ rủi ro cùng với hưởng lợi ích từ quyền sở hữu tài sản thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi điểm việc thuê với số tiền hạch toán là số thấp hơn khi so sánh giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê với hiện giá của toàn bộ các khoản thanh toán tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được tách ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là khoản nợ các tổ chức tín dụng. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao căn cứ vào thời gian ngắn hơn khi so giữa thời hạn hữu dụng của tài sản với thời gian thuê tài chính.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 VÀNG

Vàng được đánh giá lại vào cuối mỗi tháng và chênh lệch do đánh giá lại hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch đánh giá vàng trong bảng cân đối kế toán. Số dư chênh lệch do đánh giá lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm cuối năm.

2.14 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Cho mục đích của báo cáo luân chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, kim loại quý, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại các ngân hàng khác có thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán.

2.15 CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH

Công cụ tài chính phái sinh được hạch toán trên Bảng cân đối kế toán theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Lãi hoặc lỗ do việc thực hiện các nghiệp vụ phái sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh trong bảng cân đối kế toán và được kết chuyển vào kết quả kinh doanh vào thời điểm cuối năm.

2.16 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ vào thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

2.17 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp- kể cả công ty mẹ, công ty con- các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.18 DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập theo Thông tư 07/2004/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2004 và Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập bằng 2% tổng quỹ lương cơ bản trong năm của Nhóm Công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.19 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Nhóm Công ty có một nghĩa vụ- pháp lý hoặc liên đới- hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.20 PHÂN PHỐI CỔ TỨC

Việc phân phối cổ tức cho các cổ đông của Nhóm Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty trong giai đoạn mà cổ tức được các cổ đông của Nhóm Công ty phê duyệt.

3. Sự tập trung của tài sản và nợ phải trả theo tiền tệ và thời gian đáo hạn.

3.1 THEO TIỀN TỆ

31 THÁNG 12 NĂM 2006	VND	VÀNG	USD	EUR	JPY	AUD	CAD	KHÁC	TỔNG CỘNG
TÀI SẢN									
Tiền và kim loại quý	500.843	1.875.117	281.655	72.531	3.424	58.047	14.651	21.184	2.827.452
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	834.241	-	159.349	-	-	-	-	-	993.590
Tiền gửi tại các ngân hàng nước ngoài	-	-	105.702	9.802	1.818	6.706	9.483	12.207	145.718
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước	1.566.685	96.775	166.120	15.157	134	10.131	12.370	6.439	1.873.811
Chứng khoán kinh doanh	263.631	-	-	-	-	-	-	-	263.631
Cho vay khách hàng	11.248.358	558.764	2.479.181	26.592	-	-	-	-	14.312.895
Chứng khoán đầu tư giữ để bán	191.555	-	-	-	-	-	-	-	191.555
Chứng khoán đầu tư giữ đến khi đáo hạn	1.865.338	-	8.131	-	-	-	-	-	1.873.469
Đầu tư vào công ty liên doanh	110.604	-	-	-	-	-	-	-	110.604
Đầu tư vào các đơn vị khác	669.973	-	-	-	-	-	-	-	669.973
Tài sản cố định hữu hình	416.764	-	-	-	-	-	-	-	416.764
Tài sản cố định vô hình	273.638	-	-	-	-	-	-	-	273.638
Tài sản cố định thuê tài chính	17.812	-	-	-	-	-	-	-	17.812
Xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định	250.591	-	-	-	-	-	-	-	250.591
Tài sản khác	338.726	-	165.950	4	-	-	-	-	554.680
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	18.598.759	2.530.656	3.366.088	124.086	5.376	74.884	36.504	39.830	24.776.183
NỢ									
Vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	107.000	-	-	-	-	-	-	-	107.000
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước	477.433	-	337.740	225	-	-	75	-	815.473
Tiền gửi của khách hàng	14.610.110	1.448	2.792.132	86.804	3.382	4.721	10.793	2.190	17.511.580
Chứng chỉ tiền gửi	1.543	2.527.756	-	-	-	-	-	-	2.529.299
Vốn nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác	374.668	-	-	-	-	-	-	-	374.668
Nợ khác	353.784	1.000	11.676	34.961	1.844	68.071	24.898	36.290	532.523
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	35.294	-	-	-	-	-	-	-	35.294
TỔNG NỢ	15.959.831	2.530.204	3.141.548	121.990	5.226	72.792	35.766	38.481	21.905.837
CHÉNH LỆCH THEO TIỀN TỆ	2.638.928	452	224.540	2.096	151	2.093	738	1.350	2.870.346

3. Sự tập trung của tài sản và nợ phải trả theo tiền tệ và thời gian đáo hạn. (t.t)

3.2 THEO THỜI GIAN ĐÁO HẠN

*Đơn vị tính: Triệu VND

31 THÁNG 12 NĂM 2006	DƯỚI 1 THÁNG	1-3 THÁNG	3-12 THÁNG	1-5 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
TÀI SẢN						
Tiền và kim loại quý	2.827.452	-	-	-	-	2.827.452
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	993.590	-	-	-	-	993.590
Tiền gửi tại các ngân hàng nước ngoài	145.718	-	-	-	-	145.718
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước	1.203.811	300.000	370.000	-	-	1.873.811
Chứng khoán kinh doanh	263.631	-	-	-	-	263.631
Cho vay khách hàng	985.376	2.514.498	6.213.470	3.003.308	1.596.243	14.312.895
Chứng khoán đầu tư để bán	191.555	-	-	-	-	191.555
Chứng khoán đầu tư giữ đến khi đáo hạn	-	-	-	1.873.469	-	1.873.469
Đầu tư vào công ty liên doanh	-	-	-	-	110.604	110.604
Đầu tư vào các đơn vị khác	-	-	-	-	669.973	669.973
Tài sản cố định hữu hình	-	-	-	151.056	265.708	416.764
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	60.424	213.214	273.638
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	14.912	2.900	17.812
Xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	250.591	250.591
Tài sản khác	554.680	-	-	-	-	554.680
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	7.165.813	2.814.498	6.583.470	5.103.169	3.109.233	24.776.183
NỢ						
Vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	107.000	-	-	-	-	107.000
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước	743.651	55.000	1.200	15.622	-	815.473
Tiền gửi của khách hàng	7.568.064	5.600.077	3.839.636	502.053	1.750	17.511.580
Chứng chỉ tiền gửi	620.995	1.388.005	471.000	49.298	-	2.529.299
Vốn nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác	-	104	94.069	278.894	1.600	374.668
Nợ khác	532.523	-	-	-	-	532.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	35.294	-	-	-	-	35.294
TỔNG NỢ	9.607.528	7.043.186	4.405.906	845.867	3.350	21.905.837
CHÉNH LỆCH THEO THỜI GIAN ĐÁO HẠN	(2.441.715)	(4.228.688)	2.177.564	4.257.302	3.105.883	2.870.346

4. Tiền và kim loại quý

* Đơn vị: Triệu VND

TIỀN VÀ KIM LOẠI QUÝ	2006	2005
Tiền mặt	951.646	825.764
Vàng	1.875.117	543.333
Giấy tờ có giá	689	1.011
TỔNG CỘNG	2.827.452	1.370.108

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Dự trữ bắt buộc bằng tiền Việt Nam phải được gửi vào Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số dư được điều chỉnh mỗi tháng 1 lần, và được tính bằng 5% số dư trung bình tiền gửi của khách hàng có kỳ hạn trong vòng một năm bằng đồng Việt Nam của tháng trước và 2% số dư trung bình tiền gửi của khách hàng có kỳ hạn trên một năm đến hai năm bằng đồng Việt Nam, không tính trên tiền gửi của khách hàng có kỳ hạn hơn hai năm.

Đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ, không tính trên các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên hai năm, dự trữ bắt buộc bằng đô la Mỹ cũng được tính theo phương pháp tương tự với tỷ lệ là 8% cho tiền gửi có kỳ hạn trong vòng một năm và 2% cho tiền gửi có kỳ hạn trên một năm đến hai năm.

* Đơn vị: Triệu VND

TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	2006	2005
Dự trữ bắt buộc	767.464	406.766
Tiền gửi thanh toán	226.126	1.919
TỔNG CỘNG	993.590	408.685

6. Tiền gửi tại các Ngân hàng nước ngoài

* Đơn vị: Triệu VND

TIỀN GỬI TẠI CÁC NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI	2006	2005
Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng nước ngoài	145.718	160.478
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng nước ngoài	-	1.829
TỔNG CỘNG	145.718	162.307

7. Tiền gửi tại các Tổ chức tín dụng trong nước

* Đơn vị: Triệu VND

TIỀN GỬI TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG TRONG NƯỚC	2006	2005
Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng trong nước	188.907	125.440
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng nước ngoài	1.684.904	1.159.464
TỔNG CỘNG	1.873.811	1.284.904

8. Chứng khoán kinh doanh

* Đơn vị: Triệu VND

CHỨNG KHOÁN KINH DOANH	2006	2005
Chứng khoán vốn	263.631	97.481
Trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	(879)
TỔNG CỘNG	263.631	96.602

9. Cho vay khách hàng

Cho vay khách hàng, được phân tích như sau:

9.1 PHÂN TÍCH THEO LOẠI HÌNH CHO VAY

*Đơn vị tính: Triệu VND

PHÂN TÍCH THEO LOẠI HÌNH CHO VAY	2006	2005
DANH MỤC CHO VAY TẠI THỜI ĐIỂM 31 THÁNG 12 BAO GỒM:		
Cho vay ngắn hạn	9.363.598	5.081.504
Cho vay trung và dài hạn	4.822.236	3.217.042
Cho thuê tài chính	15.513	-
Cho vay từ nguồn tài trợ của Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác	190.249	122.861
Các khoản nợ chờ xử lý	2.717	3.831
TỔNG CỘNG	14.394.313	8.425.238
Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 (Thuyết minh 9.7a)	(21.888)	(19.750)
Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 (Thuyết minh 9.7b)	(59.530)	(26.153)
DANH MỤC CHO VAY NGÀY 31 THÁNG 12 (SỐ THUẦN)	14.312.895	8.379.335

9.2 PHÂN TÍCH THEO TIỀN TỆ

*Đơn vị tính: Triệu VND

PHÂN TÍCH THEO TIỀN TỆ	2006	2005
Cho vay bằng đồng Việt Nam	11.329.776	6.226.936
Cho vay bằng ngoại tệ	3.064.537	2.198.302
TỔNG CỘNG	14.394.313	8.425.238

9.3 PHÂN TÍCH THEO NGÀNH

*Đơn vị tính: Triệu VND

PHÂN TÍCH THEO NGÀNH	2006	2005
Thương mại	4.770.867	2.927.150
Nông lâm nghiệp	772.862	740.926
Sản xuất và gia công chế biến	4.356.553	2.141.006
Xây dựng	905.835	757.441
Dịch vụ cá nhân và cộng đồng	712.990	355.650
Kho bãi, giao thông vận tải và thông tin liên lạc	325.692	326.003
Giáo dục và đào tạo	613.891	390.228
Tư vấn, kinh doanh bất động sản	523.872	192.846
Nhà hàng và khách sạn	383.130	220.885
Các ngành khác	1.028.620	373.103
TỔNG CỘNG	14.394.313	8.425.238

9.4 PHÂN TÍCH THEO NHÓM NỢ

*Đơn vị tính: Triệu VND

PHÂN TÍCH THEO NHÓM NỢ	2006	2005
Nợ đủ tiêu chuẩn	14.256.735	8.351.138
Nợ cần chú ý	33.474	27.599
Nợ dưới tiêu chuẩn	44.746	5.490
Nợ nghi ngờ	27.381	9.437
Nợ có khả năng mất vốn	31.977	31.574
TỔNG CỘNG	14.394.313	8.425.238

9.5 PHÂN TÍCH THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

*Đơn vị tính: Triệu VND

PHÂN TÍCH THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ	2006	2005
Thành phố Hồ Chí Minh	8.322.928	5.309.254
Đồng bằng sông Cửu Long	1.507.007	618.412
Miền Trung	1.650.848	720.981
Miền Bắc	1.104.995	794.337
Miền Đông Nam	1.808.536	982.254
TỔNG CỘNG	14.394.313	8.425.238

9.6 PHÂN TÍCH THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ

*Đơn vị tính: Triệu VND

PHÂN TÍCH THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ	2006	2005
Doanh nghiệp Nhà nước	81.270	30.328
Công ty cổ phần	1.262.893	994.304
Công ty trách nhiệm hữu hạn	5.202.214	3.297.030
Doanh nghiệp tư nhân	971.807	587.014
Hợp tác xã	80.152	76.062
Công ty liên doanh	40.569	40.023
Công ty 100% vốn nước ngoài	10.085	24.744
Cá nhân	6.736.947	3.365.518
Các thành phần khác	8.375	10.215
TỔNG CỘNG	14.394.313	8.425.238

9.7 DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

(a) Dự phòng cụ thể

*Đơn vị tính: Triệu VND

DỰ PHÒNG CỤ THỂ	2006	2005
Dự phòng tại ngày 1 tháng 1	19.750	27.968
Trích lập trong năm	2.582	15.827
Kết chuyển sang dự phòng chung (Thuyết minh 9.7b) (*)	-	(23.328)
Sử dụng trong năm (**)	(444)	(717)
DỰ PHÒNG TẠI NGÀY 31 THÁNG 12	21.888	19.750

Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng được tính trên giá trị các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng trừ đi giá trị tài sản thế chấp theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN do NHNN Việt Nam ban hành.

(*) Kết quả của việc áp dụng Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN là số dư dự phòng cụ thể của năm 2005 thấp hơn nhiều so với năm 2004. Vì vậy, trong năm 2005, Ngân hàng đã chuyển 23.328 triệu đồng từ dự phòng cụ thể sang dự phòng chung nhằm đảm bảo dự phòng chung được lập đầy đủ theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN.

(**) Các khoản cho vay được xóa nợ sau khi Hội đồng Xử lý Rủi ro Tín dụng đã xét thấy rằng mọi nỗ lực hợp lý để thu hồi nợ, kể cả các hành động pháp lý đều không có hiệu quả. Các khoản cho vay được xóa nợ theo như hướng dẫn trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN.

9.7 DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

(b) Dự phòng chung

*Đơn vị tính: Triệu VND

	2006	2005
Tại ngày 1 tháng 1	26.153	-
Trích lập trong năm	33.377	2.825
Kết chuyển từ dự phòng cụ thể (Thuyết minh 9.7a)	-	23.328
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12	59.530	26.153

Dự phòng chung được lập theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Trong năm nay, Nhóm Công ty đã trích lập 20% tính theo mức dự phòng cần thiết phải đạt được vào năm thứ năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. Nhóm Công ty cũng đã trích lập 20% tính theo mức dự phòng cần thiết vào thời điểm đó trong năm 2005.

10. Chứng khoán đầu tư giữ để bán

*Đơn vị: Triệu VND

CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐỂ BÁN	2006	2005
Chứng khoán vốn	191.555	-
Trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	-
TỔNG CỘNG	191.555	-

Bao gồm trong số dư chứng khoán đầu tư giữ để bán là 38.096 triệu đồng đầu tư vào chứng chỉ quỹ VF1. Đây là quỹ đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam quản lý. Công ty này là một công ty liên doanh giữa Sacombank và Dragon Capital, một cổ đông của Ngân hàng.

11. Chứng khoán nợ đầu tư giữ đến khi đáo hạn

*Đơn vị tính: Triệu VND

CHỨNG KHOÁN NỢ ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN KHI ĐÁO HẠN	GIÁ VỐN 2006	GIÁ VỐN 2005
TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ (*)		
Đáo hạn trong vòng một năm	-	400
Đáo hạn trong vòng từ một đến năm năm	1.435.116	1.229.393
	1.435.116	1.229.793
CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI DO CÁC NGÂN HÀNG KHÁC PHÁT HÀNH		
Đáo hạn trong vòng một năm	-	235.000
Đáo hạn trong vòng từ một đến năm năm	333.568	-
	333.568	235.000
TRÁI PHIẾU DO CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ PHÁT HÀNH		
Đáo hạn trong vòng từ một đến năm năm	104.785	50.126
	104.785	50.126
TỔNG CỘNG	1.873.469	1.514.919

(*) Bao gồm trong trái phiếu Chính phủ là 114.440 triệu đồng trái phiếu giáo dục hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (xem thuyết minh số 19).

12. Khoản đầu tư vào công ty liên doanh

KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH	2006		2005	
	TỶ LỆ SỞ HỮU %	GIÁ VỐN (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU %	GIÁ VỐN (TRIỆU ĐỒNG)
Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam	51 %	110.604	51 %	9.387

*Đơn vị tính: Triệu VND

BIẾN ĐỘNG KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH	2006
Đầu năm	9.387
Tăng	45.390
Lợi nhuận được chia	74.613
Cổ tức nhận được	(18.013)
Chi từ các quỹ	(773)
CUỐI NĂM	110.604

13. Đầu tư vào các đơn vị khác

*Đơn vị tính: Triệu VND

TÊN	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	CHI TIẾT	NGÀY	NGÀY
			31/12/2006	31/12/2005
			GIÁ VỐN	GIÁ VỐN
CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định	Ngân hàng	Góp vốn	-	1.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà TP.HCM	Ngân hàng	Góp vốn	1.908	89
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Đô	Ngân hàng	Góp vốn	1.634	1.634
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	Ngân hàng	Góp vốn	39.156	16.500
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Ngân hàng	Góp vốn	11.713	5.946
TỔNG SỐ ĐẦU TƯ VÀO CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC			54.411	25.169
TỔNG SỐ ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY KHÔNG PHẢI LÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG			615.562	282.432
TỔNG SỐ ĐẦU TƯ VÀO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC			669.973	307.601

Bao gồm trong số dư đầu tư vào các công ty không phải là tổ chức tín dụng là 50.750 triệu đồng đầu tư vào chứng chỉ quỹ VF2. Đây là quỹ đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam quản lý. Công ty này là một công ty liên doanh giữa Sacombank và Dragon Capital, một cổ đông của Ngân hàng.

14. Tài sản cố định hữu hình

*Đơn vị tính: Triệu VND

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH	TÒA NHÀ	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	XE CỘ	TÀI SẢN KHÁC	TỔNG CỘNG
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	247.582	96.317	38.756	3.897	386.552
Số tăng trong năm	64.190	63.862	12.998	6.134	147.184
Số giảm trong năm	(32.063)	(743)	(1.764)	(12)	(34.582)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	279.709	159.436	49.990	10.019	499.154
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	16.051	29.179	10.749	797	56.776
Tăng trong năm	5.130	18.058	4.334	644	28.166
Giảm trong năm	(657)	(677)	(1.211)	(7)	(2.552)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	20.524	46.560	13.872	1.434	82.390
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	231.531	67.138	28.007	3.100	329.776
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006	259.185	112.876	36.118	8.585	416.764

15. Tài sản cố định vô hình

*Đơn vị tính: Triệu VND

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	TỔNG CỘNG
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	10.673	53.288	63.961
Số tăng trong năm	60.192	201.966	262.158
Thanh lý trong năm	-	(42.368)	(42.368)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	70.865	212.886	283.751
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	3.923	24	3.947
Khấu hao trong năm	6.029	137	6.166
Giảm do thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	9.952	161	10.113
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	6.750	53.264	60.014
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006	60.913	212.725	273.638

16. Tài sản cố định thuê tài chính

*Đơn vị: Triệu VND

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	-
Thuê mới trong năm	18.096
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	18.096
KHẤU HAO LŨY KẾ	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	-
Khấu hao trong năm	284
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	284
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	-
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006	17.812

17. Xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định

*Đơn vị: Triệu VND

XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG VÀ MUA SẮM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	2006	2005
Tại ngày 1 tháng 1	231.732	88.307
Số tăng trong năm	382.658	238.217
Chuyển sang tài sản cố định	(354.836)	(82.832)
Chuyển khác	(8.963)	(11.960)
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006	250.591	231.732

18. Tài sản khác

*Đơn vị tính: Triệu VND

TÀI SẢN KHÁC	2006	2005
Lãi dự thu	267.650	150.513
Phải thu từ khách hàng	152.480	43.540
Các khoản trả trước	87.833	57.440
Tạm ứng cho nhân viên và các chi nhánh	7.390	4.876
Tạm ứng góp vốn thêm vào công ty liên doanh	-	2.550
Các khoản phải thu khác	3.274	7.000
Tài sản khác (*)	36.053	33.049
TỔNG CỘNG	554.680	298.968

(*) Bao gồm trong tài sản khác là 34,473 triệu đồng giá trị tài sản đảm bảo được sử dụng nhằm để bù cho các khoản nợ khó đòi. Quyền sở hữu các tài sản này đã được chuyển giao cho Ngân hàng.

19. Vay từ ngân hàng nhà nước Việt Nam

*Đơn vị: Triệu VND

VAY TỪ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	2006	2005
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	107.000	170.370
TỔNG CỘNG	107.000	170.370

20. Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước

Đơn vị: Triệu VND

TIỀN GỬI VÀ TIỀN VAY TỪ CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG TRONG NƯỚC	2006	2005
Tiền gửi không kỳ hạn	78.556	33.652
Tiền gửi và tiền vay ngắn hạn	735.717	468.748
Tiền gửi và tiền vay trung và dài hạn	1.200	
TỔNG CỘNG	815.473	502.400

21. Tiền gửi của khách hàng

*Đơn vị: Triệu VND

TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG	2006	2005
Tiền gửi không kỳ hạn	2.834.183	1.801.853
Tiền gửi ngắn hạn	11.258.971	6.556.632
Tiền gửi trung và dài hạn	3.036.334	1.868.891
Tiền gửi ký quỹ	382.092	239.782
TỔNG CỘNG	17.511.580	10.467.158

31 THÁNG 12 NĂM 2006

Tiền gửi không kỳ hạn	2.559.503	274.680	2.834.183
Tiền gửi ngắn hạn	9.678.397	1.580.574	11.258.971
Tiền gửi trung và dài hạn	2.357.324	679.010	3.036.334
Tiền gửi ký quỹ	34.174	347.918	382.092
TỔNG CỘNG	14.629.398	2.882.182	17.511.580

31 THÁNG 12 NĂM 2005

Tiền gửi không kỳ hạn	1.503.052	298.801	1.801.853
Tiền gửi ngắn hạn	5.682.762	873.870	6.556.632
Tiền gửi trung và dài hạn	1.308.574	560.317	1.868.891
Tiền gửi ký quỹ	22.823	216.959	239.782
TỔNG CỘNG	8.517.211	1.949.947	10.467.158

22. Chứng chỉ tiền gửi

*Đơn vị: Triệu VND

CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI	BẢNG TIỀN ĐỒNG	BẢNG NGOẠI TỆ TRIỆU ĐỒNG	TỔNG CỘNG
31 THÁNG 12 NĂM 2006			
Chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn	3	2.107.610	2.107.613
Chứng chỉ tiền gửi trung hạn	1.540	420.146	421.686
TỔNG CỘNG	1.543	2.527.756	2.529.299
31 THÁNG 12 NĂM 2005			
Chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn	3.562	750.843	754.405
Chứng chỉ tiền gửi trung hạn	3.655	198.486	202.141
TỔNG CỘNG	7.217	949.329	956.546

23. Vốn nhận từ chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác

*Đơn vị: Triệu VND

VỐN NHẬN TỪ CHÍNH PHỦ, CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC	2006	2005
Vốn nhận từ Quỹ Phát triển nông thôn	133.905	95.093
Vốn nhận từ FMO lần đầu	38.241	53.537
Vốn nhận từ FMO lần hai	152.522	-
Vốn nhận từ Quỹ Phát triển Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ	50.000	15.000
TỔNG CỘNG	374.668	163.630

Vốn nhận từ Quỹ Phát triển Nông thôn (“RDF”) được Ngân hàng Thế giới tài trợ nhằm cho vay có thời hạn từ 1 đến 5 năm với lãi suất hiện tại là 0,68%/tháng. Quỹ được dùng để cho vay những đối tượng quy định trong Quyết định số 25/QĐ-NH21 ngày 31 tháng 1 năm 1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khoản vốn này sẽ đáo hạn vào năm 2010.

Vốn nhận lần đầu từ Financierings – Maatschappij Voor Ontwikkelingslarden (“FMO”), một ngân hàng tại Hà Lan, được sử dụng để cho vay các doanh nghiệp ở Việt Nam khi các doanh nghiệp này đáp ứng các yêu cầu do FMO đưa ra. Tiền lãi được trả nửa năm một lần theo lãi suất trung bình của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Á Châu và HSBC cộng với 1,5%/ năm. Khoản vốn này sẽ đáo hạn vào năm 2009.

Vốn nhận lần hai từ Financierings – Maatschappij Voor Ontwikkelingslarden (“FMO”), một ngân hàng tại Hà Lan, được sử dụng để cho các khách hàng không phải là doanh nghiệp ở Việt Nam mua nhà khi các khách hàng này đáp ứng các yêu cầu do FMO đưa ra. Tiền lãi được trả nửa năm một lần theo lãi suất trung bình của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Á Châu và HSBC. Khoản vốn này sẽ đáo hạn vào năm 2016.

Vốn nhận từ Quỹ Phát triển các Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ được Ủy Ban Châu Âu tài trợ. Nguồn vốn được sử dụng để tài trợ các doanh nghiệp Việt Nam vừa và nhỏ khi các doanh nghiệp này đáp ứng các điều kiện của dự án. Lãi suất được xác định theo lãi suất cố định hoặc lãi suất thả nổi. Lãi suất cố định được tính bằng mức lãi suất do Chính phủ trả cho trái phiếu có kỳ hạn năm năm gần đây nhất trừ một tỷ lệ chiết khấu. Lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất tham chiếu trừ một tỷ lệ chiết khấu và được xác định sau mỗi sáu tháng. Lãi suất tham chiếu là mức lãi suất trung bình tiền gửi tiền đồng 6 tháng của các Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Tỷ lệ chiết khấu được áp dụng cho mỗi loại lãi suất và được ngân hàng cho vay cố định hàng năm. Tỷ lệ chiết khấu cho năm đầu tiên là 0,5% cho lãi suất cố định và 1% cho lãi suất thả nổi. Khoản vốn này sẽ đáo hạn vào năm 2010.

24. Các khoản phải trả khác

*Đơn vị: Triệu VND

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC	2006	2005
Lãi dự chi	270.745	160.278
Các khoản chuyển tiền phải trả	496	21.848
Các loại thuế khác phải trả	3.911	3.504
Cổ tức phải trả	5.656	4.956
Dự phòng chung cho các khoản cam kết và nợ tiềm tàng (*)	11.641	4.698
Phải trả khác (**)	240.074	95.262
TỔNG CỘNG	532.523	290.546

(*) Dự phòng chung cho các khoản cam kết và nợ tiềm tàng được lập theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành. Trong năm nay, Ngân hàng đã trích lập 20% trên mức dự phòng cần thiết phải đạt được vào năm thứ năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. Nhóm Công ty cũng đã trích lập 20% tính theo mức dự phòng cần thiết vào thời điểm đó trong năm 2005.

(**) Bao gồm trong khoản phải trả khác là khoản tiền giữ hộ khách hàng trị giá 75.649 triệu đồng tại Công ty chứng khoán Sài Gòn Thương Tín. Khoản tiền này sẽ được sử dụng nhằm mục đích đầu tư ủy thác cho khách hàng.

25. Vốn

(A) VỐN CỔ PHẦN

*Đơn vị: Triệu VND

VỐN CỔ PHẦN	SỐ CỔ PHẦN (1.000 CỔ PHẦN)	VỐN CỔ PHẦN THƯỜNG	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN (*)	TỔNG CỘNG VỐN CỔ PHẦN
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	74.000.000	740.000	-	740.000
Tổng giá của cổ phiếu đã phát hành	51.000.000	510.000	-	510.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	125.000.000	1.250.000	-	1.250.000
Tổng giá trị của cổ phiếu đã phát hành	64.947.299	649.473	-	649.473
Tổng giá trị của cổ phiếu thưởng đã phát hành (xem Thuyết minh số 26)	18.993.982	189.940	-	189.940
Chuyển thặng dư vốn cổ phần từ quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ sang vốn cổ phần (xem Thuyết minh số 26)	-	-	158.365	158.365
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006	208.941.281	2.089.413	158.365	2.247.778

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Ngân hàng không nắm giữ bất cứ cổ phiếu ngân quỹ nào.

(*) Trước tháng 9 năm 2006, thặng dư vốn cổ phần từ việc phát hành cổ phiếu mới được ghi nhận trong quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ và được kết chuyển vào vốn cổ phần khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê chuẩn. Theo Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 7 năm 2006, thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận riêng trên tài khoản thặng dư vốn cổ phần và được trình bày như là vốn của Ngân hàng từ tháng 9 năm 2006. Do đó, một khoản thặng dư vốn cổ phần là 158.365 triệu đồng đã được kết chuyển từ quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ sang tài khoản thặng dư vốn trong năm nay (tham khảo Thuyết minh số 26).

Theo Quyết định số 401/NHNN-HCM02 ngày 31 tháng 3 năm 2006 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, vốn điều lệ của Ngân hàng được duyệt tăng đến 1.899.473 triệu đồng.

Theo Quyết định số 1457/NHNN-HCM02 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, vốn điều lệ của Ngân hàng được duyệt tăng đến 2.089.413 triệu đồng.

(B) VỐN KHÁC

Đơn vị: Triệu VND		
VỐN KHÁC	2006	2005
Vốn mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản	795	795
Vốn khác	153	153
TỔNG CỘNG	948	948

26. Các quỹ và lợi nhuận giữ lại

Đơn vị: Triệu VND							
CÁC QUỸ VÀ LỢI NHUẬN GIỮ LẠI	SỐ DƯ ĐẦU NĂM	LỢI NHUẬN	PHÂN BỐ VÀO CÁC QUỸ	CỔ TỨC ĐÃ TRẢ	CHUYỂN SANG VỐN VÀ THẶNG DƯ VỐN	BIẾN ĐỘNG KHÁC CỦA CÁC QUỸ	SỐ DƯ CUỐI NĂM
Lợi nhuận giữ lại	178.888	470.128	(100.360)	(84.030)	(24.500)	(3.980)	436.146
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	398.999	-	21.005	-	(348.306)	343	72.041
Quỹ đầu tư phát triển	10.275	-	10.020	-	-	(3.000)	17.295
Quỹ dự phòng tài chính	51.530	-	39.908	-	-	-	91.438
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.164	-	29.427	-	-	(25.890)	4.700
Chênh lệch do đánh giá lại các giao dịch phái sinh	(4.124)	-	-	-	-	4.124	-
TỔNG CỘNG	636.732	470.128	-	(84.030)	(372.806)	(28.404)	621.620

Theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ, Ngân hàng phải thiết lập các quỹ dự trữ sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: trích 5% của lợi nhuận thuần sau thuế mỗi năm cho đến khi quỹ dự trữ đạt tới 100% vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 10% của lợi nhuận thuần còn lại sau khi lập quỹ dự trữ trên cho đến khi quỹ dự phòng đạt tới 25% vốn điều lệ.

Cổ tức

Cổ tức của năm 2006 sẽ được công bố chưa được ghi nhận cho đến khi được phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã lập kế hoạch đề nghị mức cổ tức là 12% trả dưới hình thức cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006. Các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 không thể hiện dự kiến này, mà nếu sau này được phê duyệt, và việc chi trả cổ tức này sẽ được ghi nhận trong phần vốn chủ sở hữu như là một khoản phân phối lợi nhuận giữ lại của niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

27. Thu nhập lãi và các khoản tương tự

*Đơn vị: Triệu VND		
THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TỰ	2006	2005
Cho vay và ứng trước	1.368.222	850.865
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	144.549	56.465
Các khoản đầu tư chứng khoán	134.982	125.592
TỔNG CỘNG	1.647.753	1.032.922

28. Chi phí lãi và các khoản tương tự

*Đơn vị: Triệu VND

CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TỰ	2006	2005
Cho vay và ứng trước	943.114	570.075
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	19.081	14.782
Các khoản đầu tư chứng khoán	21.799	13.056
TỔNG CỘNG	983.994	597.913

29. Thu nhập từ các khoản phí và dịch vụ

*Đơn vị: Triệu VND

THU NHẬP TỪ CÁC KHOẢN PHÍ VÀ DỊCH VỤ	2006	2005
Dịch vụ bảo lãnh	7.143	4.675
Dịch vụ thanh toán	87.087	67.132
Dịch vụ ngân quỹ	13.062	10.696
Dịch vụ khác liên quan đến hoạt động tín dụng	21.752	14.835
Dịch vụ khác	14.118	3.129
TỔNG CỘNG	143.162	100.467

30. Chi phí trả phí và dịch vụ

*Đơn vị: Triệu VND

CHI PHÍ TRẢ PHÍ VÀ DỊCH VỤ	2006	2005
Dịch vụ ngân quỹ và thanh toán	17.599	18.226
Chi phí hoạt động khác	14.093	11.215
TỔNG CỘNG	31.692	29.441

31. Thu nhập ròng từ kinh doanh chứng khoán

*Đơn vị: Triệu VND

THU NHẬP RÒNG TỪ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN	2006	2005
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	143.484	19.532
Chi phí cho hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-
TỔNG CỘNG	143.484	19.532

32. Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ

*Đơn vị: Triệu VND

THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI TỆ	2006	2005
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ	132.099	63.628
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại tệ	(127.921)	(38.211)
TỔNG CỘNG	4.178	25.417

33. Thu nhập từ hoạt động khác

*Đơn vị: Triệu VND

THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC	2006	2005
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	6.659	943
Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng	1.708	15.822
Thu nhập khác	27.888	7.033
TỔNG CỘNG	36.255	23.798

34. Tiền lương và chi phí liên quan

*Đơn vị: Triệu VND

TIỀN LƯƠNG VÀ CHI PHÍ LIÊN QUAN	2006	2005
Tiền lương và phụ cấp	170.890	109.487
Đồng phục và các chi phí liên quan	1.805	1.259
Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và phí công đoàn	13.390	8.945
Trợ cấp	1.377	10
TỔNG CỘNG	187.462	119.701

35. Chi phí khác

*Đơn vị: Triệu VND

CHI PHÍ KHÁC	2006	2005
Thuế, phí và lệ phí	7.980	4.869
Phí bảo hiểm tiền gửi	12.682	8.850
Chi phí quản lý khác	166.388	105.723
TỔNG CỘNG	187.050	119.442

36. Thuế giá trị gia tăng

Phí và hoa hồng được hưởng chịu thuế giá trị gia tăng 10% theo phương pháp khấu trừ và giao dịch ngoại tệ chịu thuế giá trị gia tăng 10% theo phương pháp trực tiếp. Các nghiệp vụ ngân hàng khác không chịu thuế giá trị gia tăng.

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Khoản thuế trong năm thể hiện thuế thu nhập doanh nghiệp được tính với thuế suất 28% trên lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

*Đơn vị: Triệu VND

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	2006	2005
Khoản thuế thu nhập hiện hành	141.200	74.383
Khoản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
TỔNG CỘNG	141.200	74.383

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong các báo cáo tài chính do không có các khoản chênh lệch tạm thời vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 và 31 tháng 12 năm 2006.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 28% theo các qui định thuế hiện hành được thể hiện như sau:

*Đơn vị: Triệu VND		
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	2006	2005
Lợi nhuận trước thuế	611.328	312.807
Thuế	157.969	88.414
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(23.981)	(14.031)
	7.212	-
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	141.200	74.383

38. Lãi trên cổ phiếu

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

*Đơn vị: Triệu VND		
LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	2006	2005
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng	470.128	238.424
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (ngàn cổ phiếu)	175.727	98.311
LÃI CƠ BẢN TRÊN MỖI CỔ PHIẾU (ĐỒNG/ CỔ PHIẾU)	2.675	2.425

39. Giao dịch với các bên liên quan

Trong niên độ và tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Nhóm Công ty thực hiện các giao dịch và có số dư với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị: Triệu VND		
GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN	2006	2005
Trả lãi tiền gửi	4.176	495
Thu lãi tiền vay	847	412
Trả cổ tức	53.789	41,290
Nhận cổ tức	-	5,966
Số dư tiền gửi không kỳ hạn	13.389	19,339
Số dư tiền gửi có kỳ hạn	56.973	54,732
Số dư nợ cho vay	75.669	50,725
Kinh doanh chứng khoán	61.663	-
Chứng khoán đầu tư giữ để bán	38.096	-
Đầu tư vào các đơn vị khác	50.750	-
Số dư tạm ứng thuê văn phòng	52.626	-
Số dư bảo lãnh	-	81

Tổng số lương và phụ cấp trả cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tương ứng là 3.900 triệu đồng (2005: 3.000 triệu đồng) và 3.813 triệu đồng (2005: 3.748 triệu đồng).

40. Các cam kết và nợ tiềm tàng

Tổng số dư bảo lãnh, thư tín dụng, và các cam kết khác tại thời điểm cuối năm như sau

*Đơn vị tính: Triệu VND

CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG	BẢNG TIỀN ĐỒNG	BẢNG NGOẠI TỆ	TỔNG CỘNG
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006			
Thư tín dụng trả ngay	448	2,102,967	2,103,415
Thư tín dụng trả chậm	-	119,213	119,213
Bảo lãnh thanh toán	195,764	13,238	209,002
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	64,359	10,552	74,911
Bảo lãnh khác	89,228	33,797	123,025
Giao dịch ngoại tệ giao ngay	-	324,063	324,063
Giao dịch ngoại tệ hoán đổi	-	325,805	325,805
TỔNG CỘNG	349,799	2,929,635	3,279,434
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2005			
Thư tín dụng trả ngay	1.581	1.117.643	1.119.224
Thư tín dụng trả chậm	-	83.389	83.389
Bảo lãnh thanh toán	100.535	7.034	107.569
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	36.755	4.387	41.142
Bảo lãnh khác	62.020	38.271	100.291
Giao dịch ngoại tệ giao ngay	-	259.331	259.331
Giao dịch ngoại tệ có kỳ hạn	-	543.533	543.533
Giao dịch ngoại tệ hoán đổi	-	397.543	397.543
TỔNG CỘNG	200.891	2.451.131	2.652.022

Trong quá trình kinh doanh bình thường, Nhóm Công ty đã thực hiện nhiều cam kết khác nhau và phát sinh một số các khoản nợ tiềm tàng không được thể hiện trong bảng cân đối kế toán. Các cam kết và nợ tiềm tàng bao gồm các khoản bảo lãnh, mở thư tín dụng, các cam kết mua bán ngoại tệ có kỳ hạn và giao ngay chưa thực hiện.

Nhóm Công ty dự liệu là không bị các tổn thất trọng yếu từ các nghiệp vụ này.

41. Đầu tư vào các công ty con

*Đơn vị: Triệu VND

ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON	2006	2005
Giá trị đầu tư theo giá vốn	484.000	12.000
TỔNG CỘNG	484.000	12.000

CHI TIẾT CỦA CÁC CÔNG TY CON

*Đơn vị: Triệu VND

TÊN	QUỐC GIA ĐANG HOẠT ĐỘNG	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	TỶ LỆ GÓP VỐN
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	Việt Nam	30.000	100%
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	Việt Nam	150.000	100%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	Việt Nam	300.000	100%
Công ty TNHH Kiểu hời Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	Việt Nam	4.000	100%

Báo cáo tài chính hợp nhất do Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 15 tháng 3 năm 2007.



Đặng Văn Thành

Chủ tịch

Ngày 15 tháng 3 năm 2007

Phan Bích Vân

Tổng Giám đốc

Lê Nguyễn Thành Trung

Kế toán trưởng

NHỮNG SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG NĂM



1 SACOMBANK CHÍNH THỨC NIÊM YẾT TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN.

Ngày 12/07/2006, cổ phiếu Sacombank (mã chứng khoán STB) chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp. HCM: là ngân hàng thương mại đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Sự kiện này của Sacombank cũng đã được Trung tâm Giao dịch chứng khoán Tp. HCM và Trung tâm Sách kỷ lục Việt Nam (VIETBOOKS) ghi nhận và trao cúp kỷ lục Việt Nam vào tháng 01/2007.

2 SACOMBANK ĐẠT MỨC VỐN ĐIỀU LỆ CAO NHẤT TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM.

Sacombank đạt mức vốn điều lệ 2.089 tỷ VND: là ngân hàng có mức vốn điều lệ cao nhất trong hệ thống ngân hàng TMCP Việt Nam. Tăng năng lực tài chính nhằm tăng cường sức mạnh cạnh tranh và đảm bảo hệ số an toàn tối thiểu theo qui định Nhà nước luôn nằm trong kế hoạch phát triển hàng năm của Sacombank.



3 SACOMBANK CÓ 159 ĐIỂM GIAO DỊCH TẠI 38/64 TỈNH, THÀNH TRÊN CẢ NƯỚC.

Sacombank có 159 điểm giao dịch tại 38/64 tỉnh, thành trên cả nước: là ngân hàng TMCP có mạng lưới hoạt động lớn nhất. “Đi tắt, đón đầu” mở rộng thị trường hoạt động nhằm chiếm lĩnh và tăng thị phần là định hướng chiến lược rất đúng đắn của Ban lãnh đạo Sacombank trong thời kỳ đất nước đang hội nhập. Đồng thời, đây cũng là một trong những tiêu chí hoạt động của Sacombank: đem những tiện ích ngân hàng tốt nhất đến với tất cả những người dân khắp mọi miền đất nước.

4 SACOMBANK TỔ CHỨC THÀNH CÔNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH KỶ NIỆM 15 NĂM NGÀY THÀNH LẬP NGÂN HÀNG.

Sacombank tổ chức thành công các chương trình Kỷ niệm 15 năm ngày thành lập ngân hàng (21/12/1991- 21/12/2006): Chương trình khuyến mại “15 năm đồng hành cùng Sacombank” và “Mừng Sinh nhật Vàng”, đã nhận được sự ủng hộ rất nhiệt tình của quý khách hàng trên cả nước; đồng thời chương trình ca múa nhạc đặc sắc vào đêm 21/12/2006 tại Nhà hát Hòa Bình đã tạo được ấn tượng tốt đẹp trong lòng các khách hàng và đối tác.



5 SACOMBANK LÀ MỘT TRONG HAI NGÂN HÀNG TMCP ĐẠT LỢI NHUẬN CAO NHẤT KHỐI.

Kết quả kinh doanh năm 2006, Sacombank đạt lãi trước thuế hơn 611,33 tỷ VND, đạt 195,4% so với năm 2005, bằng 15,5 lần so với 2001: là số lợi nhuận lớn nhất trong 15 năm hoạt động vừa qua. Và Sacombank là một trong hai ngân hàng TMCP đạt lợi nhuận cao nhất khối.



6 SACOMBANK ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG GIẢI THƯỞNG LỚN TRONG NĂM 2006

Những giải thưởng lớn Sacombank đã đạt được trong năm 2006:

- Giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam về cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ trong năm 2006” do Quỹ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ của cộng đồng Châu Âu (SMEDF) bình chọn;
- Giải thưởng “Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối xuất sắc nhất Việt Nam năm 2006” do các định chế tài chính khu vực Châu Á Thái Bình Dương bình chọn;
- Giải thưởng “Ngọn Hải Đăng” do người tiêu dùng trực tiếp bình chọn;
- Bằng khen của Thống đốc NHNN và Bằng khen của Chủ tịch UBND TP.HCM năm 2006 trao tặng tập thể CBNV Sacombank đã có thành tích xuất sắc, góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng năm 2005

7 SACOMBANK VỚI NHỮNG HOẠT ĐỘNG THÀNH CÔNG VỀ QUAN HỆ QUỐC TẾ.

Sacombank tổ chức thành công buổi gặp mặt thân mật với hơn 200 ngân hàng đại lý trên toàn thế giới tại Singapore; là đại diện duy nhất của hệ thống ngân hàng TMCP Việt Nam tham dự và trình bày thành công tại các hội thảo về Đầu tư tại New York và Singapore: đánh dấu sự lớn mạnh không ngừng của Sacombank khi từng bước vươn ra thị trường thế giới.



8 KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VAY VỐN GIỮA SACOMBANK VÀ FMO.

Ký kết hợp đồng vay vốn giữa Sacombank và FMO - Tổ chức Phát triển Tài chính Hà Lan: đánh dấu sự thành công của Sacombank trong việc kêu gọi các nguồn vốn từ các tổ chức, định chế tài chính trong và ngoài nước. Với sự hợp tác này Sacombank đã cho ra sản phẩm “Cho vay lãi cố định - Bất động sản”, sản phẩm tín dụng tiện ích nhất cho khách hàng đầu tiên ở Việt Nam.

9 SACOMBANK BỔ NHIỆM 03 VỊ PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2006, Sacombank bổ nhiệm 03 vị phó Tổng Giám Đốc (P.TGD Khối Hỗ Trợ, P.TGD Khối CNTT, P.TGD Khu vực miền Trung) và rất nhiều Giám đốc trẻ các chi nhánh: xu hướng trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Sacombank. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những mục tiêu phát triển hàng đầu của Sacombank.



10 SACOMBANK KHỞI CÔNG XÂY TRỤ SỞ MỚI

Sacombank khởi công xây trụ sở mới 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q3, TP.HCM với qui mô có thể xem là lớn nhất trong khối ngân hàng TMCP: đánh dấu sự phát triển vững mạnh của Sacombank. Không riêng Hội sở chính mà hầu hết các chi nhánh và phòng giao dịch của Sacombank trên khắp cả nước đều có trụ sở rất khang trang- là minh chứng cho sự cam kết được phục vụ lâu dài của Sacombank đối với khách hàng.

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

Tình hình hoạt động cổ phiếu Sacombank năm 2006

Mã chứng khoán	STB
Ngày niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM	12/7/2006
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	208.941.281 CP
Mệnh giá	10.000 đồng/CP
Giá trị vốn hóa thời điểm 29/12/2006 (72.000 đồng/CP)	15.043.772.232.000 đồng

Cơ cấu cổ đông

Đơn vị tính: 10.000 đồng

SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	13.300
CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	VỐN CỔ PHẦN
1. Pháp nhân	62.457.383
2. Thể nhân	225.222
CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	
1. Pháp nhân Nhà nước	22.077
2. Pháp nhân khác	26.250.622
3. Thể nhân	119.985.977
TỔNG CỘNG	208.941.281

Bảng số liệu về biến động giá cổ phiếu STB 07 - 12/2006

Đơn vị tính: đồng

GIA CỔ PHIẾU	07/2006	08/2006	09/2006	10/2006	11/2006	12/2006
Cao nhất	81.5	66.5	72	73	68	72
Thấp nhất	64.5	58.5	67.5	59.5	60.5	63.5
Trung bình	73.571	63.37	69.675	66.114	62.455	68.071

(Nguồn: Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp. HCM, tính theo giá khớp lệnh cuối ngày)

Vào ngày 12/7/2006 tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng khoán TP.HCM, cổ phiếu Sacombank với mã STB chính thức lên sàn giao dịch. Đây là sự kiện đáng ghi nhớ của thị trường chứng khoán Việt Nam bởi Sacombank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đưa cổ phiếu lên sàn giao dịch tập trung.

Với sự kiện này Sacombank cũng đã chính thức được ghi tên vào kỷ lục Việt Nam trong lĩnh vực chứng khoán với tư cách là Ngân hàng đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam do trung tâm sách kỷ lục Việt Nam – VIETBOOKS và Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM phối hợp trao tặng. Từ đây, loại cổ phiếu ngân hàng vốn được xem là lĩnh vực nhạy cảm nhất, đã lên sàn giao dịch một cách bình thường như các loại cổ phiếu khác và mở ra một chương mới cho sự phát triển của Sacombank nói riêng và cho hoạt động của cổ phiếu ngân hàng tại Việt Nam nói chung.

Sacombank là tổ chức niêm yết có vốn điều lệ lớn nhất vào thời điểm đăng ký niêm yết trong số 41 công ty đang niêm yết và giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM. Với sự tham gia của cổ phiếu Sacombank, tổng số lượng cổ phiếu niêm yết trên Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM tại thời điểm đó đã tăng gấp hơn 3 lần so với cuối năm 2005 và tăng thêm khoảng 44% so với tổng giá trị niêm yết hiện tại trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, sự xuất hiện cổ phiếu Sacombank đã góp phần giúp thị trường xác định được một mức cân bằng cung-cầu mới.

Là đơn vị đi đầu với sứ mệnh trải nghiệm, cộng với tính nhạy cảm và tiềm ẩn nhiều rủi ro vốn có của một tổ chức tín dụng, nên Sacombank đã có những bước chuẩn bị khá chu đáo cho thời kỳ hậu niêm yết, kể cả kế hoạch

đảm bảo hoạt động liên tục trong điều kiện khủng hoảng. Trong đó, tăng cường các nguồn lực và phát triển mở rộng các kênh phân phối để tăng nhanh năng lực cạnh tranh; đa dạng hóa, phong phú hóa các sản phẩm dịch vụ và chống lãng phí, triệt để tiết kiệm để nâng cao tỷ suất lợi nhuận và tăng cường tích lũy; ra sức củng cố, kiện toàn và sớm tiếp cận, ứng dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế tốt nhất để nâng cao trình độ quản trị và chất lượng điều hành ngân hàng; công khai hóa, minh bạch hóa hoạt động tài chính để cải thiện dần mối quan hệ và tranh thủ sự giám sát khách quan của các nhà đầu tư tài chính và công chúng; thiết lập, mở rộng các mối quan hệ hợp tác - liên doanh - liên kết với các tổ chức kinh tế cùng các định chế tài chính trong và ngoài nước để qua đó khắc phục các mặt yếu kém - điều chỉnh các điểm bất cập và phát huy sức mạnh tổng hợp nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động – là 5 chương trình trọng điểm của Sacombank trong thời kỳ hậu niêm yết.

Việc cổ phiếu của Sacombank được niêm yết trên thị trường chứng khoán đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình phát triển của ngân hàng. Thương hiệu và uy tín của Sacombank đã được nâng lên rất nhiều đối với thị trường tài chính cả trong và ngoài nước, nhờ đó,

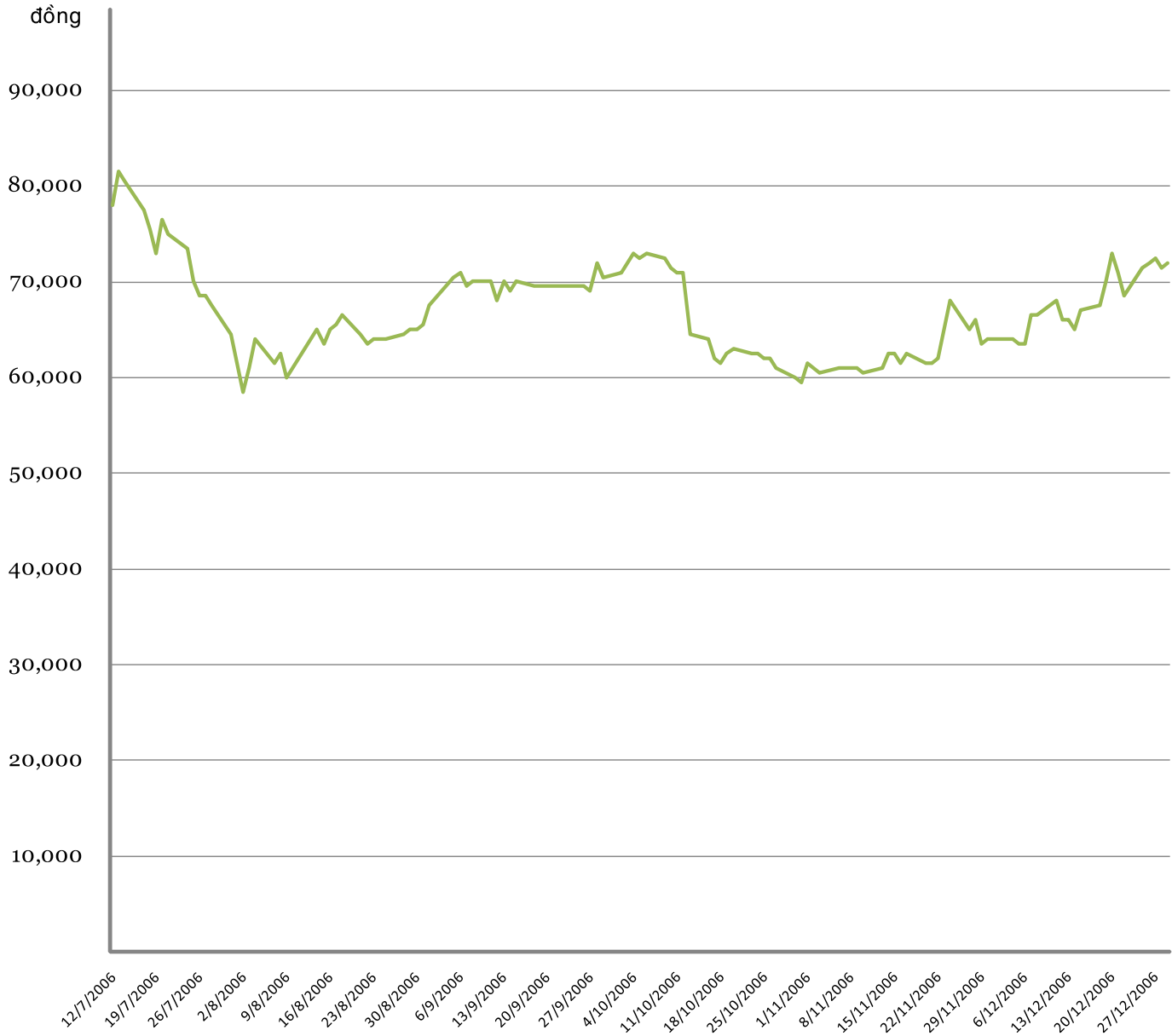
khả năng huy động vốn để đầu tư phát triển thuận lợi và dễ dàng hơn. Cổ phiếu của Sacombank luôn được công chúng đầu tư đặc biệt quan tâm, là cổ phiếu có khối lượng giao dịch và tính thanh khoản hàng đầu trên thị trường chứng khoán tập trung. Tại thời điểm cuối năm 2006, giá trị vốn hóa của Sacombank trên thị trường chứng khoán là trên 15.000 tỷ đồng. Hoạt động cổ phiếu Sacombank càng lúc càng sôi động theo chiều hướng gia tăng về giá trị thị trường và cả sức hấp dẫn do các nhà đầu tư đang trở nên chuyên nghiệp. Họ đánh giá cao triển vọng phát triển của Sacombank qua hệ thống mạng lưới rộng lớn khắp mọi miền đất nước, qua danh mục đầu tư hiệu quả, qua những giá trị tích sản hữu hình và vô hình, qua khả năng tái đầu tư và thị phần, đặc biệt là qua chiến lược phát triển cùng năng lực điều hành quản trị vốn là những yếu tố tạo nên giá trị cốt lõi của Sacombank. Đó là những lợi thế lớn của Sacombank trong hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi ích cho hơn 13.000 cổ đông của mình, đồng thời góp phần thúc đẩy các ngân hàng khác nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, nhanh chóng niêm yết trên thị trường chứng khoán, qua đó thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính nói chung và của hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam nói riêng trong thời kỳ hội nhập.

Danh sách 10 cổ đông lớn nhất

Đơn vị tính: 10.000 đồng

TÊN CỔ ĐÔNG	TỔNG VỐN	TỶ LỆ %/VĐL
1. AUSTRALIA AND NEW ZEALAND BANKING GROUP LTD	20.625.000	9,87
2. INTERNATIONAL FINANCE CORPORATION	16.002.246	7,66
3. DRAGON FINANCIAL HOLDINGS LIMITED	18.315.000	8,77
4. CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH REE	11.937.200	5,71
5. ÔNG ĐẶNG HỒNG ANH	8.534.054	4,08
6. CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ PRUDENTIAL	7.531.932	3,60
7. ÔNG ĐẶNG VĂN THÀNH	6.794.675	3,25
8. BÀ CHÂU THỊ VÂN	5.216.635	2,50
9. ÔNG TRẦN THANH SƠN	4.653.000	2,23
10. ÔNG NGUYỄN NGỌC HẢI	3.496.130	1,67
TỔNG CỘNG	103.105.872	49,00

**Biểu đồ diễn biến tình hình giá cổ phiếu Sacombank
đến ngày 31/12/2006**



(Nguồn: Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp. HCM, tính theo giá khớp lệnh cuối ngày)

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC, CÔNG TY LIÊN DOANH



Công Ty TNHH Quản Lý Nợ và Khai Thác Tài Sản – Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (AMC)

Địa chỉ : 25 Lý Thường Kiệt,
Phường 7, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 9 717 265
Fax : (08) 9 717 274



Công ty TNHH Kiều Hối Sài Gòn Thương Tín (Sacomrex)

Địa chỉ : 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 9 320 684
Fax : (08) 9 320 687



Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín (SacombankLeasing)

Địa chỉ : 87A Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 9 144 494
Fax : (08) 8 211 472



Công Ty Chứng khoán Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank Securities)

Địa chỉ : Số 06-08 Phó Đức Chính,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 214 888
Fax : (08) 8 213 015



Công Ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam (VietFund Management)

Công ty mà Sacombank nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối (51%)

Địa chỉ : Lầu 8, Tòa nhà Bitexco, 19 – 25 Nguyễn Huệ,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 9 143 393
Fax : (08) 9 143 392

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

HỘI SỞ

278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 9320 420

Fax: (08) 9320 424

KHU VỰC MIỀN BẮC

SGD HÀ NỘI

88 Đường Lý Thường Kiệt
Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 9428 094

Fax: (04) 9428 088

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Đường 65 Ngô Thì Nhậm
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 9432 589

Fax: (04) 9432 988

CHI NHÁNH LONG BIÊN

247 Đường Ngô Gia Tự
Quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại: (04) 6522 055

Fax: (04) 6522 066

Phòng Giao Dịch Số 2

87 Hàng Bạc
Phường Hàng Bạc,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 9261 392

Fax: (04) 9261 392

CHI NHÁNH CHỢ MƠ

442 Đường Bạch Mai
Phường Trương Định,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phòng giao dịch Hà Tây

30 Đường Quang Trung
Phường Hà Đông, Quận Hà Tây

Điện thoại: (034) 824 047

Fax: (034) 824 047

Phòng Giao Dịch Đồng Xuân

12 Đường Trần Nhật Duật
Phường Đồng Xuân,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 9283 725

Fax: (04) 9283 725

CHI NHÁNH ĐỒNG ĐA

360 Đường Tây Sơn,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 5640 458

Fax: (04) 5640 459

CHI NHÁNH HƯNG YÊN

13 Đường 39A, Phố Nối
Xã Bản Yên Nhân, Huyện
Mỹ Hào, Hưng Yên

Điện thoại: (0321) 942 905

Fax: (0321) 942 387

Phòng giao dịch Hoàn Kiếm

16E Đường Thành
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 9230 823

Fax: (04) 9230 822

Phòng giao dịch Số 3

65 Đường Trần Đăng Ninh
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 7910 950

Fax: (04) 7910 950

Phòng giao dịch Phố Hiến

279 Đường Điện Biên
Huyện Hưng Yên, Hưng Yên

Điện thoại: (0321) 866 770

Fax: (0321) 866 769

Phòng giao dịch Bô Thờ

Đường Thị tứ Bô Thờ
Phường Hồng Tiến,
Huyện Khoái Châu, Hưng Yên

Điện thoại: (0321) 920 690

Fax: (0321) 920 689

CHI NHÁNH BẮC NINH

202 Đường Trần Phú
Xã Từ Sơn, Huyện Từ Sơn,
Bắc Ninh

Điện thoại: (0241) 743 965

Fax: (0241) 743 964

Phòng giao dịch Tiên Du

Thị trấn Lim,
Huyện Tiên Du, Bắc Ninh

Điện thoại: (0241) 710 711

Fax: (0241) 710 711

Phòng giao dịch Tiên An

340 Đường Ngô Gia Tự
Xã Tiên An, Huyện Bắc Ninh,
Bắc Ninh

Điện thoại: (0241) 811 622

Fax: (0241) 811 622

Phòng giao dịch Đông Anh

31 Đường Cao Lỗ
Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh,
Hà Nội

Điện thoại: (04) 9653 801

Fax: (04) 9653 800

CHI NHÁNH THANH HÓA

2 Đường Phan Chu Trinh
Xã Điện Biên, Huyện Thanh Hóa
Thanh Hóa

Điện thoại: (037) 715 752

Fax: (037) 715 751

CHI NHÁNH LẠNG SƠN

8 Đường Ngô Quyền
Xã Vĩnh Trại,
Huyện Lạng Sơn, Lạng Sơn

Điện thoại: (025) 716 324

Fax: (025) 716 325

CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG

144 Đường Thống Nhất,
Xã Lê Thanh Nghị
Huyện Hải Dương, Hải Dương

Điện thoại: (0320) 833 208

Fax: (0320) 833 209

Phòng giao dịch Sao Đỏ

119 Đường Nguyễn Trãi 1
Thị trấn Sao Đỏ,
Huyện Chí Linh, Hải Dương

Điện thoại: (0320) 589 347

Fax: (0320) 589 348

Phòng giao dịch Phú Thái

Đường Phố Ga, Thị trấn Phú Thái
Huyện Kim Thành, Hải Dương

Điện thoại: (0320) 726 388

Fax: (0320) 726 389

Phòng giao dịch Kê Sặt

158 Đường Khu ngã 5,
Xã Tráng Liệt
Huyện Bình Giang, Hải Dương

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

62-64 Đường Tôn Đức Thắng
Phường Trần Nguyên Hãn,
Quận Lê Chân
Hải Phòng

Điện thoại: (0313) 719 999

Fax: (0313) 719 993

KHU VỰC MIỀN TRUNG

CHI NHÁNH LÂM ĐỒNG

32 Hòa Bình, Đường 3 tháng 2
Phường 1, TP Đà Lạt,
Lâm Đồng

Điện thoại: (063) 549 045
Fax: (063) 549 047

Phòng giao dịch Đập Đá

123 Khu vực Bằng Châu
Thị trấn Đập Đá, Huyện An Nhơn,
Bình Định

Điện thoại: (056) 639 702
Fax: (056) 639 704

Phòng giao dịch Nha Trang

65 Đường Nguyễn Trãi,
Huyện Phước Tiến
TP Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 515 495
Fax: (058) 515 708

Phòng giao dịch Bảo Lộc

43 Đường Lê Thị Pha
Huyện Bảo Lộc, Lâm Đồng

Điện thoại: (063) 711 254
Fax: (063) 711 254

Phòng giao dịch Lê Lợi

131 Đường Lê Lợi
Phường Trần Hưng Đạo
TP Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: (056) 817 177
Fax: (056) 817 176

Phòng giao dịch Lê Hồng Phong - Nha Trang

227 Đường Lê Hồng Phong,
Huyện Phước Hải
TP Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 889 192
Fax: (058) 889 194

Phòng giao dịch Đức Trọng

303 Bản đồ 6, Đường KP 2
Thị trấn Liên Nghĩa
Huyện Đức Trọng, Lâm Đồng

Điện thoại: (063) 649 161
Fax: (063) 649 162

Phòng giao dịch Bồng Sơn

243 Đường Quang Trung
Thị trấn Bồng Sơn,
Huyện Hoài Nhơn, Bình Định

Điện thoại: (056) 961 370
Fax: (056) 961 373

Phòng giao dịch Cam Ranh

134-136 Đường QL 1,
Phường Ba Ngòi
Huyện Cam Ranh, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 954 300
Fax: (058) 954 302

Phòng giao dịch Quang Trung

26 Đường Quang Trung
Phường 9, TP Đà Lạt, Lâm Đồng

Điện thoại: (063) 826 600
Fax: (063) 826 600

CHI NHÁNH KHÁNH HÒA

54A Đường Yersin,
Xã Phương Sài,
TP Nha Trang,
Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 817 594
Fax: (058) 817 598

CHI NHÁNH PHÚ YÊN

97 Đường Nguyễn Trãi
Phường 4, Huyện Tuy Hòa,
Phú Yên

Điện thoại: (057) 893 341
Fax: (057) 893 342

CHI NHÁNH BÌNH ĐỊNH

98 Đường Mai Xuân Thưởng
Phường Lý Thường Kiệt,
TP Quy Nhơn
Bình Định

Điện thoại: (056) 817 314
Fax: (056) 817 312

Phòng giao dịch Ninh Hòa

290 Đường Trần Quý Cáp
Xã Ninh Hòa,
Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 630 864
Fax: (058) 630 863

Phòng giao dịch Nam Tuy Hòa

374 Đường Nguyễn Văn Linh
Xã Phú Lâm, Huyện Tuy Hòa,
Phú Yên

Điện thoại: (057) 851 850
Fax: (057) 851 850

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

202 Đường Hoàng Diệu,
Xã Nam Dương,
Huyện Hải Châu, Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 582 612
Fax: (0511) 582 613

Phòng giao dịch Chợ Cồn

225 Đường Ông Ích Khiêm,
Tổ 58 Cầu Vòng
Huyện Hải Châu, Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 866 368
Fax: (0511) 866 369

Phòng giao dịch Thanh Khê

568 Đường Diên Biên Phủ
Xã Thanh Khê Đông,
Huyện Thanh Khê
Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 725 542
Fax: (0511) 725 543

Phòng giao dịch Sơn Trà

617 Đường Ngô Quyền,
Xã An Nhơn Đông
Huyện Sơn Trà, Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 260 099
Fax: (0511) 260 010

Phòng giao dịch Cẩm Lệ

179 Đường Ông Ích Đường,
Xã Khuê Trung,
Huyện Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 247 000
Fax: (0511) 696 700

CHI NHÁNH HỘI AN

91 Đường Trần Hưng Đạo
Thị Xã Hội An, Quảng Nam

Điện thoại: (0510) 911 031
Fax: (0510) 911 032

Phòng giao dịch Nam Phước

37 Tổ 2, khối phố 2
Đường Long Xuyên,
Xã Nam Phước
Huyện Duy Xuyên, Quảng Nam

Điện thoại: (0510) 777 123
Fax: (0510) 777 125

CHI NHÁNH THỪA THIÊN HUẾ

126 Đường Nguyễn Huệ,
Xã Phú Nhuận
TP Huế, Thừa Thiên Huế

Điện thoại: (054) 834 979
Fax: (054) 834 980

Phòng giao dịch An Cựu

144 Đường Hùng Vương,
Xã Phú Nhuận
TP Huế, Thừa Thiên Huế

Điện thoại: (054) 814.181
Fax: (054) 814 243

Phòng giao dịch Phú Bài

Khu 4, thị trấn Phú Bài
Xã Hương Thủy,
Thừa Thiên Huế

Điện thoại: (054) 851 032
Fax: (054) 851 033

Phòng giao dịch Tây Lộc

172 (số cũ 02)
Đường Nguyễn Trãi,
Xã Tây Lộc
TP Huế, Thừa Thiên Huế

Điện thoại: (054) 539 364
Fax: (054) 539 365

Phòng giao dịch Phú Xuân

49 Đường Trần Hưng Đạo,
Xã Phú Hòa
TP Huế, Thừa Thiên Huế

Điện thoại: (054) 513 867
Fax: (054) 513 850

CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH

254 Đường Trần Hưng Đạo,
Xã Nam Lý, Huyện Đồng Hới,
Quảng Bình

Điện thoại: (052) 241 242
Fax: (052) 844 966

CHI NHÁNH QUẢNG TRỊ

86 Đường Lê Duẩn
Phường 1, Xã Đông Hà,
Quảng Trị

Điện thoại: (053) 553 800
Fax: (053) 553 801

Phòng giao dịch Vĩnh Linh

Khóm Hữu Nghị, Thị trấn Hồ Xá
Huyện Vĩnh Linh,
Quảng Trị

Điện thoại: (053) 217 863
Fax: (053) 622 261

KHU VỰC MIỀN ĐÔNG

CHI NHÁNH ĐẮC LẮC

362-364 Đường Lê Duẩn
TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Điện thoại: (050) 861 102

Fax: (050) 861 104

Phòng giao dịch Đắk Nông

43A Đường Quốc lộ 14, Xã Tâm
Thắng, Huyện Cư Jút,
Đắk Nông

Điện thoại: (050) 683 798

Fax: (050) 683 632

CHI NHÁNH BÌNH THUẬN

126 Đường Trần Hưng Đạo
TP. Phan Thiết, Bình Thuận

Điện thoại: (062) 834 655

Fax: (062) 832 115

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

431 Đại lộ Bình Dương
Khu 1, Phường Phú Cường,
Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: (0650) 859 593

Fax: (0650) 859 591

Phòng giao dịch Thủ Dầu Một

77-79 Đường Đoàn Trần Nghiệp,
Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: (0650) 859 961

Fax: (0650) 859 962

Phòng giao dịch Bến Cát

Ấp 3, Phường Lai Uyên
Huyện Bến Cát, Bình Dương

Điện thoại: (0650) 562 863

Fax: (0650) 552 033

Phòng giao dịch Dĩ An

12A/22 Đường Trần Hưng Đạo
Ấp Bình Minh, TT Dĩ An
Huyện Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: (0650) 734 840

Fax: (0650) 734 841

Phòng giao dịch Lái Thiêu

C186A Tổ 18, Đường Kp Bình Đức
Lái Thiêu, Huyện Thuận An,
Bình Dương

Điện thoại: (0650) 760 375

Fax: (0650) 760 437

Phòng giao dịch Mỹ Phước

Khu phố 1, Đại lộ Bình Dương
Phường Mỹ Phước,
Huyện Bến Cát, Bình Dương

Điện thoại: (0650) 559 669

Fax: (0650) 559 668

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

87-89 Đường 30/4
Huyện Thanh Bình,
TP Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: (061) 3829 194

Fax: (061) 3946 068

Phòng giao dịch Long Khánh

908B Đường Hùng Vương,
Xã Xuân Lộc
Huyện Long Khánh, Đồng Nai

Điện thoại: (061) 3783 587

Fax: (061) 3783 443

Phòng giao dịch Hố Nai

98/7 Đường Xa lộ Hà Nội,
Phường Tân Biên,
TP Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: (061) 3884 073

Fax: (061) 3884 073

Phòng giao dịch Biên Hòa

141/5 Đường QL15,
Huyện Tam Hiệp
TP Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: (061) 3829 195

Fax: (061) 3829 194

TP HỒ CHÍ MINH**Phòng giao dịch Trảng Bom**

82/3 Ấp Thanh Hóa, Xã Hố Nai 3
Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

Điện thoại: (061) 3673 970

Fax: (061) 3673 971

Phòng giao dịch Gia Kiệm

112/4 Ấp Tân Yên, Xã Gia Tân 3
Huyện Thống Nhất, Đồng Nai

Điện thoại: (061) 3778 487

Fax: (061) 3778 488

CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC

Khu phố Phú Thanh,
Xã Tân Phú
Huyện Đồng Xoài, Bình Phước

Điện thoại: (0651) 883 140

Fax: (0651) 883 569

Phòng giao dịch Phước Long

217 Khu phố 2, Xã Phước Bình
Huyện Phước Long, Bình Phước

Điện thoại: (0651) 775 201

Fax: (0651) 775 201

CHI NHÁNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

03 Đường Dương Bạch Mai,
Xã Phước Trung
Tx Bà Rịa, Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 717 153

Fax: (064) 717 150

Phòng giao dịch Rạch Dừa

196 Đường 30/4, Xã Rạch Dừa
TP Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 211 228

Fax: (064) 615 914

SỞ GIAO DỊCH

278 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Phường 8, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9322 670

Fax: 9320 425

Phòng giao dịch Bàn Cờ

660 Đường Nguyễn Đình Chiểu
Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8352 215

Fax: 8352 217

Phòng giao dịch Lê Văn Sỹ

51 Đường Trần Quang Diệu
Phường 14, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9318 816

Fax: 9310 104

CHI NHÁNH SÀI GÒN

211 Đường Nguyễn Thái Học
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8360 243

Fax: 8368 598

Phòng giao dịch Bình Thạnh

278 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh
Phường 21, Quận Bình Thạnh
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 5122 359

Fax: 5122 008

Phòng giao dịch Tân Định

69 Đường Phan Đình Phùng
Phường 17, Quận Phú Nhuận
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9903 675

Fax: 9903 683

Phòng giao dịch Thanh Đa

714 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh
Phường 26, Quận Bình Thạnh
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 5116 107

Fax: 5116 108

Phòng giao dịch Cao Thắng

17bis Đường Cao Thắng
Phường 2, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8335 646

Fax: 8335 646

Phòng giao dịch Quận 1

Số 6-8 Đường Phó Đức Chính
Phường Nguyễn Thái Bình
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9144 514

Fax: 9144 516

Phòng giao dịch Hàm Nghi

87A Đường Hàm Nghi
Phường Nguyễn Thái Bình
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

CHI NHÁNH HƯNG ĐẠO

99A Đường Nguyễn Văn Cừ
Phường 2, Quận 5
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9232 800

Fax: 9232 799

Phòng giao dịch Đồng Khánh

65-67 Đường Trần Hưng Đạo
Phường 6, Quận 5
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8384 126

Fax: 8384 074

**Phòng giao dịch
Nguyễn Tri Phương**

304-306 Đường Nguyễn Tri Phương
Phường 4, Quận 10
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8347 458
Fax: 8345 043

Phòng giao dịch Âu Cơ

56/3 Đường Âu Cơ
Phường 9, Quận Tân Bình
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8653 335
Fax: 8653 335

Phòng giao dịch Tân Thuận

384 Đường Huỳnh Tấn Phát
Phường Bình Thuận, Quận 7
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8724 288
Fax: 8724 289

Phòng giao dịch Lê Hồng Phong

517 Đường Lê Hồng Phong
Phường 2, Quận 10
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8336 971
Fax: 8336 971

Phòng giao dịch Xóm Củi

409-411 Đường Tùng Thiện Vương
Phường 12, Quận 8
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9514 893
Fax: 9504 403

Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng

Căn hộ D1, Số 9
Khu phố Mỹ Hoàng, Phú Mỹ Hưng
Quận 7, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 4121 631
Fax: 4120 923

CHI NHÁNH CHỢ LỚN

920 Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường 4, Quận 11
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9555 280
Fax: 9555 947

Phòng giao dịch Bình Tân

494-496 Đường Kinh Dương Vương
Phường An Lạc A, Quận Bình Tân
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 7522 271
Fax: 7522 272

Phòng giao dịch Chợ Lớn

47 Đường Hậu Giang
Phường 2, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9602 395
Fax: 9602 395

Phòng giao dịch Phú Lâm

63A Đường Kinh Dương Vương
Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 7515 257
Fax: 7515 246

Phòng giao dịch Kim Biên

4 Trang Tử, Phường 14, Quận 5
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9509 045
Fax: 9509 045

Phòng giao dịch Bình Phú

50-52 Đường số 22, KDC Bình Phú
Phường 11, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 7551 723
Fax: 7551 724

Phòng giao dịch Bình Chánh

B1/16-B1/17 Đường QL1 A
Ấp 2, Xã Bình Chánh
Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

CHI NHÁNH TÂN BÌNH

224 Đường Lê Văn Sỹ
Phường 1, Quận Tân Bình
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9907 202
Fax: 9907 205

Phòng giao dịch Bà Quẹo

14/3A Đường Trường Chinh
Phường 13, Quận Tân Bình
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8495 010
Fax: 8495 010

Phòng giao dịch Lữ Gia

08 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia
Phường 15, Quận 11
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8651 204

Fax: 8651 204

Phòng giao dịch E Town

364 Đường Cộng Hoà
Quận Tân Bình
TP. Hồ Chí Minh

Phòng giao dịch Xóm Mới

20/401 Đường Lê Đức Thọ
Phường 16, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9164 243

Fax: 9963 090

Phòng giao dịch Phú Thọ Hòa

303 Đường Nguyễn Sơn
Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9786 034

Fax: 9786 034

CHI NHÁNH GÒ VẤP

94-96-98 Đường Nguyễn Oanh
Phường 7, Quận Gò Vấp
Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8943 648

Fax: 8 941 918

Phòng giao dịch An Sương

207-209 Đường Trường Chinh
Phường Tân Thới Nhất, Quận 12
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 2568 459

Fax: 2568 458

Phòng giao dịch Ông Tạ

767 Đường Cách Mạng Tháng 8
Phường 6, Quận Tân Bình
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9702 230

Fax: 9702 230

Phòng giao dịch Chợ Cầu

B74 Đường Tô Ký,
Phường Đông Hưng Thuận
Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 7150 828

Fax: 7150 828

Phòng giao dịch Thông Tây

2/5 Đường Quang Trung
Phường 11, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8958 561

Fax: 9967 984

Phòng giao dịch Tân Quý

17 Đường Gò Dầu
Phường Tân Quý, Quận Tân Phú
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8108 929

Fax: 8109 833

Phòng giao dịch Bình Hòa

95 Đường Lê Quang Định
Phường 14, Quận Bình Thạnh
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 5160 644

Fax: 5160 644

CHI NHÁNH HÓC MÔN

19/4A Đường Lý Thường Kiệt
TT Hóc Môn, Huyện Hóc Môn
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8910 179

Fax: 7103 545

Phòng giao dịch KCN Tân Bình

Lô IV-18, Số 2 KCN Tân Bình
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8156 799

Fax: 8156 799

Phòng giao dịch Gò Vấp

120 Đường Nguyễn Văn Nghi
Phường 5, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8941 001

Fax: 8941 001

Phòng giao dịch Trung Chánh

145/5 Đường Nguyễn Ảnh Thủ
Phường Trung Chánh
Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8839 325

Fax: 8839 324

CHI NHÁNH CỬ CHI

Đường Quốc lộ 22, Ấp Thượng
Xã Thông Tây Hội, Huyện Cử Chi
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 7900 262
Fax: 7900 262

Phòng giao dịch An Nhơn Tây

Đường Chợ Cũ, Xã An Nhơn Tây
Huyện Cử Chi, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 7947 123
Fax: 7947 124

Phòng giao dịch Tân Quy

Tỉnh lộ 15, Ấp 12
Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Cử Chi
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 7954 851
Fax: 7954 851

CHI NHÁNH 8 THÁNG 3

192-194 Đường Lý Thường Kiệt
Phường 8, Quận Tân Bình
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9711 365
Fax: 9711 367

CHI NHÁNH THỦ ĐỨC

251 Đường Võ Văn Ngân
Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 7222 799
Fax: 7222 800

CHI NHÁNH QUẬN 8

324 Đường Chánh Hưng
Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8508 345
Fax: 8508 341

CHI NHÁNH QUẬN 4

55-57 Đường Hoàng Diệu
Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 9433 963
Fax: 9433 983

KHU VỰC MIỀN TÂY**CHI NHÁNH TÂY NINH**

149G Đường 30 tháng 4
Phường 1, Huyện Tây Ninh
Tây Ninh

Điện thoại: (066) 810 414
Fax: (066) 810 419

Phòng giao dịch Tân Châu

Ấp Tân Hòa, Xã Tân Phú
Huyện Tân Châu, Tây Ninh

Điện thoại: (066) 759 023
Fax: (066) 759 004

Phòng giao dịch Gò Dầu

Ô 2/26, Ấp Thanh Hà,
Xã Gò Dầu, Huyện Gò Dầu,
Tây Ninh

Điện thoại: (066) 520 300
Fax: (066) 520 299

Phòng giao dịch Hòa Thành

Lô 13-Lô 14 Dãy A
Trung tâm TM, Xã Hòa Thành
Huyện Hòa Thành, Tây Ninh

Điện thoại: (066) 831 010
Fax: (066) 831 009

CHI NHÁNH TRĂNG BÀNG

Đường Lộc Du, Xã Trảng Bàng
Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh

Điện thoại: (066) 890 158
Fax: (066) 890 159

CHI NHÁNH AN GIANG

56B Đường Tôn Đức Thắng
Xã Mỹ Bình, Huyện Long Xuyên,
An Giang

Điện thoại: (076) 956 511
Fax: (076) 956 515

Phòng giao dịch Tân Châu

123 Đường Tôn Đức Thắng
Ấp Long Hưng, TT Tân Châu
Xã Tân Châu, An Giang

Điện thoại: (076) 534 282
Fax: (076) 534 284

Phòng giao dịch Châu Đốc

78 Đường Đốc Phủ Thu, Khóm 5,
Xã Châu Phú A,
TX Châu Đốc, An Giang

Phòng giao dịch Châu Phú

6-7 lô A Đường số 1
TTTM Cái Dầu
Xã Cái Dầu, Huyện Châu Phú
An Giang

Điện thoại: (076) 685 856
Fax: (076) 685 858

CHI NHÁNH CẦN THƠ

34 A2 KCN Trà Nóc 1
Xã Trà Nóc, Huyện Bình Thủy
Cần Thơ

Điện thoại: (071) 843 282
Fax: (071) 843 295

Phòng giao dịch Ninh Kiều

99 Võ Văn Tần, Xã Tân An
Huyện Ninh Kiều, Cần Thơ

Điện thoại: (071) 811 022
Fax: (071) 810 523

Phòng giao dịch Thị trấn Thốt Nốt

314 Quốc lộ 91
Phường Long Thạnh A,
Huyện Thốt Nốt, Cần Thơ

Điện thoại: (071) 854 636
Fax: (071) 854 656

CHI NHÁNH 3 THÁNG 2

174 Đường 3 tháng 2
Xã Hưng Lợi, Huyện Ninh Kiều
Cần Thơ

Điện thoại: (071) 740 611
Fax: (071) 740 609

Phòng giao dịch Cái Khế

Lô K Đường Trần Văn Khéo
Xã Cái Khế, Huyện Ninh Kiều
Cần Thơ

Điện thoại: (071) 761 687
Fax: (071) 761 688

CHI NHÁNH ĐỒNG THÁP

43 Đường Lý Thường Kiệt
Phường 2, TX Cao Lãnh
Đồng Tháp

Điện thoại: (067) 871 525
Fax: (067) 871 535

Phòng giao dịch Sa Đéc

6-7 Đường Nguyễn Sinh Sắc
Phường 2, TX Sa Đéc
Đồng Tháp

Điện thoại: (067) 772 355
Fax: (067) 772 360

CHI NHÁNH KIÊN GIANG

281 Đường Trần Phú
Xã Vĩnh Thành Văn
TX Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (077) 875 797
Fax: (077) 875 737

Phòng giao dịch Tân Hiệp

496 Đường Quốc Lộ 80
Ấp Đông Thành, Xã Thuận Đông A
Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang

Điện thoại: (077) 731 931
Fax: (077) 731 933

Phòng giao dịch Rạch Sỏi

01C Đường Cách Mạng Tháng 8
Xã Vĩnh Lợi, TX Rạch Giá
Kiên Giang

Điện thoại: (077) 913 718
Fax: (077) 913 719

Phòng giao dịch Hòn Đất

47 Ấp Đường Hòn
Thị trấn Hòn Đất, Huyện Hòn Đất
Kiên Giang

Điện thoại: (077) 786 136
Fax: (077) 786 134

Phòng giao dịch Hà Tiên

16 Đường Trần Hữu
Xã Đông Hồ, Hà Tiên
Kiên Giang

Điện thoại: (077) 260 290

Fax: (077) 260 300

CHI NHÁNH PHÚ QUỐC

Tổ An Ninh 10, Khu Phố 4
Xã Dương Đông,
Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại: (077) 995 118

Fax: (077) 995 115

CHI NHÁNH HẬU GIANG

7 Đường 3 tháng 2, Khu Vực 3
Phường 5, Huyện Vị Thanh
Hậu Giang

Điện thoại: (071) 876 075

Fax: (071) 876 950

Phòng giao dịch Châu Thành A

9A Đường QL 61, Ấp Tân Phú
Xã Tân Phú Thạnh,
Huyện Châu Thành A
Hậu Giang

Điện thoại: (071) 952 774

Fax: (071) 952 773

Phòng giao dịch Ngã Bảy

3/265 Đường QL 1A,
Phường Ngã Bảy, TX Ngã Bảy
Hậu Giang

CHI NHÁNH BẠC LIÊU

B1A Lô B Trần Phú
TTTTM Bạc Liêu
Xã 3, Huyện Bạc Liêu
Bạc Liêu

Điện thoại: (0781) 932 206

Fax: (0781) 932 201

Phòng giao dịch Hộ Phòng

151-153 Đường QL 1A - Ấp 2
TT Hộ Phòng, Huyện Giá Rai
Bạc Liêu

Điện thoại: (0781) 671 484

Fax: (0781) 671 494

CHI NHÁNH SÓC TRĂNG

65 Đường Phú Lợi
Phường 2, TX Sóc Trăng
Sóc Trăng

Điện thoại: (079) 616 762

Fax: (079) 616 761

Phòng giao dịch Mỹ Xuyên

1 Tỉnh lộ 8, Ấp Thạnh Lợi
Xã Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên
Sóc Trăng

Điện thoại: (079) 831 427

Fax: (079) 831 426

CHI NHÁNH LONG AN

167-169 Đường Hùng Vương
Phường 2, Huyện Tân An
Long An

Điện thoại: (072) 831 587

Fax: (072) 831 594

Phòng giao dịch Bến Lức

42 Đường Nguyễn Hữu Thọ
TT Bến Lức, Huyện Bến Lức
Long An

Điện thoại: (072) 633 443

Fax: (072) 633 442

CHI NHÁNH VĨNH LONG

156 Nguyễn Huệ
Phường 2, TX Vĩnh Long
Vĩnh Long

Điện thoại: (070) 878 260

Fax: (070) 878 261

Phòng giao dịch Bình Minh

838 Ngô Quyền
Xã Cái Vồn, Huyện Bình Minh
Vĩnh Long

Điện thoại: (070) 741 262

Fax: (070) 741 272

CHI NHÁNH BẾN TRE

16 Hai Bà Trưng
TX Bến Tre
Bến Tre

Điện thoại: (075) 839 115

Fax: (075) 839 116

CHI NHÁNH TIỀN GIANG

6 Đường Đinh Bộ Lĩnh
Phường 2, TP Mỹ Tho
Tiền Giang

Điện thoại: (073) 973 333

Fax: (073) 973 344

Phòng giao dịch Cái Bè

Km 2001, Ấp 06
Xã Phú An, Huyện Cai Lậy
Tiền Giang

Điện thoại: (073) 816 545

Fax: (073) 816 733

Phòng giao dịch Gò Công

318 Đường Võ Duy Linh
Phường 1, Huyện Gò Công
Tiền Giang

Điện thoại: (073) 513 133

Fax: (073) 513 143

CHI NHÁNH CÀ MAU

44 Đường Lý Bôn, TX Cà Mau
Cà Mau

Điện thoại: (0780) 812 001

Fax: (0780) 812 006



Sacombank
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

HỘI SỞ

Thành phố Hồ Chí Minh

278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Phường 8, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 932 0420

Fax : (08) 932 0424